

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
KHOA KINH TẾ - LUẬT

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

“ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI”

NGÀNH ĐÀO TẠO: KINH TẾ

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

Sinh viên thực tập

Giáo viên hướng dẫn

- Họ và tên:	Trần Ngọc Quyên
- Họ và tên:	
Th.S Đặng	- Lớp: K54F5
Hoàng Anh	
- Bộ môn: Quản	
lý kinh tế	

HÀ NỘI, 2021

i

TÓM LƯỢC

Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa, đang từng bước mở cửa hội nhập quốc tế. Với xuất phát điểm thấp, các nguồn lực kinh tế yếu kém, nhỏ lẻ là một trong những cản trở rất lớn đối với quá trình phát triển. Do đó, việc huy động và sử dụng nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là một bước tiến vô cùng quan trọng. Hà Nội là một trong những địa phương đón nhận dự án đầu tư nước ngoài sớm nhất cả nước. Trong những năm qua, nhờ có những chính sách, chiến lược của Nhà nước, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố.

Nhận thức được vai trò của cơ quan Nhà nước đối với việc quản lý và thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, kết hợp với những kiến thức đã học trên nhà trường, qua thời gian thực tập tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, em đã chọn đề tài: *“Quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội”* cho khóa luận của mình.

Với đề tài này, khóa luận đã nghiên cứu một số vấn đề lý luận có liên quan đến quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đồng thời nghiên cứu thực trạng, những thành công, hạn chế của quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội. Thông qua đó, đưa ra những quan điểm, định hướng, đề xuất các giải pháp, kiến nghị đối với cơ quan Nhà nước cho hoạt động quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội.

LỜI CẢM ƠN

Em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các Quý Thầy, Cô Trường Đại học Thương Mại đã tận tình giảng dạy và trang bị cho em những kiến thức quý báu trong thời gian em theo học tại trường.

Em xin trân trọng cảm ơn Ths Đặng Hoàng Anh, giáo viên bộ môn Quản lý kinh tế, người đã hướng dẫn em làm khóa luận tốt nghiệp. Trong thời gian qua, cô đã luôn tận tình hướng dẫn, định hướng, góp ý giúp cho em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin trân trọng cảm ơn lãnh đạo các phòng và các cán bộ, nhân viên Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đã cung cấp thông tin, tài liệu, tạo điều kiện thuận lợi cho em trong quá trình thực tập, nghiên cứu, tìm hiểu và hoàn thiện khóa luận.

Với thời gian thực tập hạn chế, sự hiểu biết có hạn, khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy cô cùng những người quan tâm để nội dung khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Trần Ngọc Quyên

MỤC LỤC

TÓM LƯỢC	ii
LỜI CẢM ƠN	iii
DANH MỤC BẢNG BIỂU	viii
DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ	viii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	ix
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu	1
2. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài	2
3. Đối tượng, mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu	4
3.1 Đối tượng	4
3.2 Mục tiêu	5
3.3 Nhiệm vụ	5
4. Phạm vi nghiên cứu	5
4.1 Phạm vi nội dung	5
4.2 Phạm vi không gian	5
4.3 Phạm vi thời gian	5
5. Phương pháp nghiên cứu	6
6. Kết cấu khóa luận tốt nghiệp	6
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI	7
1.1 Khái niệm cơ bản liên quan đến quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	7
1.1.1 Khái niệm đầu tư trực tiếp nước ngoài	7
1.1.2 Khái niệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	8
1.1.3 Khái niệm quản lý nhà nước	8

<i>1.1.4 Khái niệm quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài</i>	<i>9</i>
1.2 Một số lý thuyết cơ bản của quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	9
<i>1.2.1 Đặc điểm đầu tư trực tiếp nước ngoài</i>	<i>9</i>
<i>1.2.2 Vai trò của quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài</i>	<i>10</i>
<i>1.2.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài</i>	<i>11</i>
1.3 Nội dung, nguyên lý giải quyết quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	15
<i>1.3.1 Nội dung quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài</i>	<i>15</i>
<i>1.3.2 Chỉ tiêu đánh giá quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài</i>	<i>17</i>
<i>1.3.3 Nguyên tắc trong quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài</i>	<i>19</i>
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	20
2.1 Tổng quan tình hình và các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội	20
<i>2.1.1 Tổng quan tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội</i>	<i>20</i>
<i>2.1.2 Các nhân tố ảnh hưởng</i>	<i>24</i>
2.2 Phân tích thực trạng quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội	26
<i>2.2.1 Thực trạng xây dựng và thực thi hệ thống pháp luật, chính sách, chiến lược, kế hoạch, quy hoạch quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài</i>	<i>26</i>
<i>2.2.2 Thực trạng kiểm tra, giám sát trong quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội</i>	<i>28</i>
<i>2.2.3 Thực trạng bộ máy quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài</i>	

2.3 Đánh giá chung kết quả quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội	31
<i>2.3.1 Những thành công đạt được</i>	<i>31</i>
<i>2.3.2 Hạn chế và nguyên nhân</i>	<i>33</i>
CHƯƠNG 3: CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.	36
3.1 Quan điểm, định hướng quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội	36
<i>3.1.1 Định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 của thành phố Hà Nội</i>	<i>36</i>
<i>3.1.2 Định hướng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội</i>	<i>37</i>
<i>3.1.3 Quan điểm hoàn thiện quản lý nhà nước đối với thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội trong giai đoạn tới</i>	<i>38</i>
3.2 Giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội.	39
<i>3.2.1 Nhóm giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài</i>	<i>39</i>
<i>3.2.2 Nhóm giải pháp hoàn thiện việc tổ chức thực hiện cơ chế quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài</i>	<i>40</i>
<i>3.2.3 Nhóm giải pháp hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài</i>	<i>42</i>
<i>3.2.4 Các giải pháp khác</i>	<i>43</i>
3.3 Kiến nghị đối với cơ quan Nhà nước	43
3.4 Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu	44
TÀI LIỆU THAM KHẢO	46

vi

DANH MỤC BẢNG BIỂU

STT	Tên bảng	Trang
1	Bảng 2.1: Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 đến 9 tháng đầu năm 2021	20
2	Bảng 2.2: Đầu tư trực tiếp nước ngoài phân theo ngành kinh tế trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2020	22
3	Bảng 2.3: Đầu tư trực tiếp nước ngoài phân theo đối tác đầu tư giai trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2020	23
4	Bảng 2.4: Doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài bị xử phạt hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 – 2020	29

DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ

STT	Tên sơ đồ, hình vẽ	Trang
1	Biểu đồ 2.1: Số lượng dự án FDI theo hình thức doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2020	21
2	Sơ đồ 2.2: Cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội	30

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Từ viết đầy đủ
CNH-HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
QLNN	Quản lý nhà nước
HĐND	Hội đồng nhân dân
UBND	Ủy ban nhân dân
KH&ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
PCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GRDP	Tổng sản phẩm trên địa bàn
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
FTA	Hiệp định thương mại tự do
EVFTA	Hiệp định thương mại tự do Liên minh Châu Âu – Việt Nam
IMF	Tổ chức Tiền tệ quốc tế
WTO	Tổ chức Thương mại thế giới
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Quá trình toàn cầu hóa, quốc tế hóa hiện đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Trong quá trình đó, thương mại, đầu tư quốc tế cũng diễn ra rất sôi động. Dưới tác động của cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, đặc biệt là Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, sự di chuyển các nguồn lực thông qua hoạt động đầu tư là một tất yếu và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của các quốc gia, dân tộc, nhất là các nước đang phát triển. Thực tiễn cho thấy, quốc gia, vùng lãnh thổ nào có khả năng thu hút, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI-Foreign Direct Investment) thì có nhiều cơ hội tăng trưởng kinh tế hơn. Thông qua FDI, các nước tiếp nhận đầu tư có thể tiếp thu được vốn, công nghệ, kỹ thuật tiên tiến và kinh nghiệm quản lý, khắc phục nhanh hơn tình trạng tụt hậu về kinh tế so với các nước tiên tiến. Đồng thời, gia tăng sự gắn kết, phụ thuộc lẫn nhau và nâng cao sức cạnh tranh giữa các nền kinh tế.

Trong bối cảnh Việt Nam đang tham gia và thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cùng với sự dịch chuyển trong chuỗi giá trị toàn cầu bằng việc tập trung xây dựng chuỗi liên kết trong nước, gia tăng giá trị, nâng cao kỹ năng và đổi mới sáng tạo, cùng với sự ảnh hưởng từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, với những công nghệ đột phá đã khiến cạnh tranh thu hút FDI trong khu vực và trên thế giới đang diễn ra ngày càng gay gắt. Để đạt được mục tiêu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nêu trên, công tác thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có vai trò quan trọng mang tính quyết định.

Trước thực tiễn phát triển FDI, năm 2018 Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 50 “về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030”. Qua đó, ngày càng khẳng định vai trò quan trọng của FDI cũng như công tác quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI. Thực tế hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, công tác quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI tại Việt Nam có sự chuyển biến tích cực về hệ thống luật, nghị định, thông tư, quy định, quy hoạch, kế hoạch,... Qua đó, góp phần vào khuyến khích các nhà đầu tư FDI kinh doanh hiệu quả thúc đẩy sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Thành phố Hà Nội là trung tâm đầu não chính trị, hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước. Trong những năm qua, nhờ sự hỗ trợ của Đảng và Nhà nước, ngày càng có nhiều chính sách,

chiến lược được thông qua và thực hiện. Công tác quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI của Hà Nội đã có những chuyển biến tích cực: tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức kinh tế quốc tế hoạt động, giúp dòng vốn FDI vào Hà Nội ngày một tăng; bổ sung tổng vốn đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế; hoàn thiện thể chế, môi trường đầu tư kinh doanh theo nguyên tắc kinh tế thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế; giải quyết nhiều vấn đề việc làm cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế-xã hội. Bên cạnh đó, công tác quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI vào thành phố Hà Nội còn bộc lộ nhiều hạn chế, khó khăn: hệ thống chính sách, cơ chế thiếu tính đồng bộ, hệ thống văn bản chồng chéo, chưa thống nhất; chất lượng chiến lược quy hoạch chưa tốt, việc thực hiện quy hoạch chưa hiệu quả; xây dựng bộ máy thanh tra, kiểm tra, giám sát, hỗ trợ chưa thường xuyên, liên tục; nhiều công nghệ được mang vào thành phố còn gây ô nhiễm môi trường;... Thông qua đó, làm ảnh hưởng đến các dự án FDI đã và đang triển khai, tác động xấu đến niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài, khó khăn trong kêu gọi, thu hút, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn FDI. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách hệ thống, cơ bản về cả lý luận và thực tiễn về quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI vào Hà Nội, đây là vấn đề cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Xuất phát từ yêu cầu trên, em lựa chọn đề tài: “*Quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội*” làm khóa luận tốt nghiệp, chuyên ngành Quản lý kinh tế.

2. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài

Có rất nhiều công trình nghiên cứu về đầu tư trực tiếp nước ngoài như:

Nguyễn Trọng Xuân (2002), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài với công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Hà Nội*. Công trình đã lý giải mối quan hệ hai mặt giữa phát triển kinh tế theo hướng CNH, HĐH với FDI. Đề tài đã đánh giá thực trạng của đầu tư trực tiếp nước ngoài với công cuộc CNH, HĐH; chỉ ra những thành công và đóng góp rất lớn của đầu tư trực tiếp nước ngoài vào phát triển kinh tế của Hà Nội. Đề tài cũng chỉ ra những bất cập rất lớn trong quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài: Chưa thực hiện một cách đồng bộ hệ thống pháp luật, chưa gắn kết chặt chẽ với quá trình nâng cao năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp chưa có cơ hội để phát triển mạnh hơn, sáng tạo hơn và có sức cạnh tranh hơn trong công cuộc CNH, HĐH. Việc ứng phó với những biến động và xử lý những tác động từ môi trường khu vực và quốc tế còn bị động, lúng túng và chưa đồng bộ. Chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đầu tư trực tiếp nước ngoài chưa được quán triệt kịp thời, đầy đủ và thực hiện nghiêm túc,

nên chưa tận dụng được hết các cơ hội và ứng phó với các thách thức cho thích ứng với tiến trình hội nhập hiện nay.

Vương Đức Tuấn (2007), *Hoàn thiện cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở thủ đô Hà Nội trong giai đoạn 2001-2010*. Đề tài đã đề cập đến những cơ chế, chính sách thu hút FDI trong giai đoạn nền kinh tế tăng trưởng khá tốt. Đề tài đã khẳng định, trong thời gian qua Đảng và Nhà nước ta đã ban hành và thực hiện nhiều chủ trương, chính sách để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Sự thay đổi cơ chế, chính sách đã góp phần thu hút được nhiều dự án lớn, với tổng vốn FDI đăng ký cấp mới tăng thêm sẽ làm cho dòng vốn FDI không chỉ tăng trưởng tốt về lượng mà cả về chất khi lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo đang chiếm tỷ trọng tăng dần trong tổng vốn FDI, góp phần quan trọng tạo nên những thành tựu phát triển kinh tế đất nước. Tác giả đưa ra quan điểm thu hút FDI dựa trên cơ sở phát huy nội lực sản xuất nhằm tạo ra tiền đề vững chắc cho việc giải quyết vấn đề về vốn, kết hợp chặt chẽ giữa phát huy các nguồn lực trong nước với sự đầu tư của nước ngoài, đặc biệt phải có sự hỗ trợ, giúp đỡ của nhà nước về cơ chế chính sách để tạo sự phát triển cho các nhà đầu tư.

Nguyễn Đức Hải (2013), *Đề xuất giải pháp marketing lãnh thổ nhằm thu hút FDI trên địa bàn Hà Nội, giai đoạn 2013-2020*. Luận án đã hệ thống hoá những vấn đề lý luận về FDI và kinh nghiệm của một số địa phương trong việc thu hút FDI. Phân tích thực trạng hoạt động thu hút FDI tại Hà Nội giai đoạn 1989-2012; đồng thời đánh giá thành tựu, hạn chế và những nguyên nhân. Đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh hoạt động thu hút FDI trên địa bàn Hà Nội. Tác giả đã đưa ra những nghiên cứu về marketing địa phương, các nhân tố ảnh hưởng tới việc xác lập và thực hiện marketing lãnh thổ, xây dựng và phản ánh đầy đủ các giai đoạn của quy trình xác lập chiến lược marketing nhằm thu hút FDI trên địa bàn Hà Nội. Bên cạnh đó, tác giả đã chỉ ra những bất cập về thu hút FDI, có lúc chưa được quán triệt kịp thời, đầy đủ và thực hiện nghiêm túc. Vai trò quản lý nhà nước về thu hút FDI còn bị tác động bởi cách tiếp cận phiến diện, ngắn hạn và cục bộ. Do đó, chưa tận dụng được hết các cơ hội và ứng phó hữu hiệu với các thách thức. Đòi hỏi Hà Nội không chỉ thay đổi định hướng về thu hút FDI mà còn thay đổi hoạt động quản trị nhà nước.

Dương Thị Vĩnh Hà (2015), *Nghiên cứu về những thách thức, thuận lợi trong thu hút đầu tư nước ngoài và sự chuẩn bị của Hà Nội khi gia nhập cộng đồng kinh tế ASEAN vào năm 2015*. Đề tài đã phân tích quá trình thu hút FDI vào Hà Nội, chỉ ra những thuận lợi và khó khăn trong quá trình thu hút đầu tư nước ngoài và sự chuẩn bị của Hà Nội khi gia nhập cộng đồng kinh tế ASEAN. Đề tài đã so sánh cơ chế hấp dẫn của riêng từng

tỉnh, từng vùng trong quá trình thu hút FDI hiện nay. Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về thu hút đầu tư nước ngoài tập trung vào tạo dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, xây dựng kết cấu hạ tầng, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia phát triển liên kết ngành. Đề tài đã đề cập đến vai trò quản lý nhà nước về FDI nếu tập trung hút nhiều các hoạt động công nghệ cao sẽ tạo ra số lượng lớn việc làm, thu hẹp khoảng cách phát triển kinh tế giữa các tỉnh thành trong cả nước.

Võ Thị Vân Khánh (2016), *Tăng cường thu hút FDI vào các khu công nghiệp theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*. Luận án đã nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về FDI, khu công nghiệp, vai trò của thu hút FDI vào khu công nghiệp trong phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và địa phương. Tác giả đã nghiên cứu những nhân tố khách quan và chủ quan có ảnh hưởng đến tăng cường thu hút FDI vào các khu công nghiệp. Đánh giá rất rõ nét về thực trạng thu hút FDI vào các khu công nghiệp của thành phố Hà Nội theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội. Tác giả đã chỉ ra những thành tựu và hạn chế trong thu hút FDI vào các khu công nghiệp của Hà Nội, những bất cập trong quá trình thu hút FDI về hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa được thực hiện một cách đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập. Từ đó, đề xuất các quan điểm, định hướng và hệ thống các giải pháp đồng bộ về tăng cường thu hút FDI vào các khu công nghiệp theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Qua khảo sát các công trình liên quan cho thấy, các đề tài đã tập trung nghiên cứu đề cập đến các khía cạnh khác nhau về FDI, quản lý nhà nước, quản lý nhà nước về thu hút FDI, kể cả về mặt tiêu cực hay tích cực ở nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên, vấn đề quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI của thành phố Hà Nội cho tới nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ và hệ thống dưới góc độ quản lý kinh tế. Chính vì vậy, từ các nghiên cứu liên quan đến đề tài đã giúp cho em nhận thức rõ hơn về vai trò của quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI trong phát triển kinh tế - xã hội, sự cần thiết của quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng hiện nay. Đây là khoảng trống khoa học mà đề tài: “*Quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội*” cần phải tiếp tục nghiên cứu, làm rõ.

3. Đối tượng, mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Đối tượng

Quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

3.2 Mục tiêu

Luận giải cơ sở lý luận, thực tiễn quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI trên địa bàn thành phố Hà Nội; trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.3 Nhiệm vụ

Việc nghiên cứu đề tài khóa luận này nhằm trả lời cho những câu hỏi sau đây:

1. Hãy nêu tình hình quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 đến 9 tháng đầu năm 2021?
2. Hãy chỉ ra những thành công đạt được trong QLNN về thu hút vốn FDI trên địa bàn thành phố Hà Nội?
3. Hãy chỉ ra những hạn chế trong QLNN về thu hút vốn FDI trên địa bàn thành phố Hà Nội?
4. Nguyên nhân của những hạn chế đây là gì?
5. Nêu những quan điểm, định hướng quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI trên địa bàn thành phố Hà Nội?
6. Kiến nghị đối với cơ quan Nhà nước cần làm gì trong thời gian tới?
7. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong thời gian tới là gì?

4. Phạm vi nghiên cứu

4.1 Phạm vi nội dung

Nghiên cứu quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI trên các nội dung xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật; tổ chức và thực hiện các cơ chế, chính sách có liên quan; kiểm tra, kiểm soát việc xây dựng, tổ chức thực hiện; tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI.

4.2 Phạm vi không gian

Quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4.3 Phạm vi thời gian

Số liệu khảo sát thực tế quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2018 đến 9 tháng đầu năm 2021.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chung: Tác giả vận dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để nhận diện đúng vai trò quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI. Tác giả đặt vấn đề quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI trong sự vận động phát triển của nền kinh tế thị trường, hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Phương pháp này tác giả sử dụng ở cả 3 chương của khóa luận.

Phương pháp trừu tượng hóa khoa học: Đề tài sử dụng phương pháp đặc thù của kinh tế chính trị là phương pháp trừu tượng hóa khoa học nhằm gạt bỏ đối tượng nghiên cứu những nội dung ít ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI, để làm rõ cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu. Phương pháp này chủ yếu được sử dụng ở chương 1.

Phương pháp thu thập số liệu: Phương pháp này được sử dụng chủ yếu ở chương 2, thu thập số liệu về tình hình thu hút vốn FDI từ những trang chính thống qua các năm.

Phương pháp phân tích - tổng hợp: Được sử dụng ở cả 3 chương của khóa luận, chủ yếu được sử dụng ở chương 2 để tập hợp, phân tích các tư liệu, số liệu phục vụ cho việc minh họa, đánh giá, luận giải những vấn đề quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian qua, chỉ rõ những thành tựu và hạn chế.

Phương pháp thống kê - so sánh: Phương pháp này được sử dụng để minh họa cho việc phân tích các nguồn số liệu nhằm so sánh kết quả hoạt động quản lý giữa các năm trong phạm vi thời gian nghiên cứu, khảo sát, rút ra những nhận định, đánh giá đúng thành tựu, hạn chế quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI trên địa bàn thành phố Hà Nội, đồng thời xác định nguyên nhân. Phương pháp này chủ yếu được dùng ở chương 2.

6. Kết cấu khóa luận tốt nghiệp

Ngoài phần mở đầu, khóa luận có kết cấu bao gồm 3 chương:

Chương 1: Một số lý luận cơ bản của quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội

Chương 3: Các đề xuất và kiến nghị quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

1.1 Khái niệm cơ bản liên quan đến quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

1.1.1 Khái niệm đầu tư trực tiếp nước ngoài

Nghiên cứu chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, V.I.Lênin đã dự báo rằng: tự do cạnh tranh sinh ra tích tụ và tập trung sản xuất, tích tụ và tập trung sản xuất phát triển đến một mức độ nào đó sẽ dẫn đến độc quyền. Đồng thời, V.I.Lênin vạch ra rằng, xuất khẩu hàng hoá là đặc điểm của giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, còn xuất khẩu tư bản là đặc điểm của chủ nghĩa tư bản độc quyền. Theo V.I.Lênin, xuất khẩu tư bản là xuất khẩu giá trị ra nước ngoài nhằm mục đích chiếm đoạt giá trị thặng dư và các nguồn lợi nhuận khác ở các nước nhập khẩu tư bản. Xuất khẩu hàng hóa là mang hàng hóa ra nước ngoài để thực hiện giá trị và giá trị thặng dư, còn xuất khẩu tư bản là xuất khẩu giá trị ra nước ngoài (đầu tư tư bản ra nước ngoài) nhằm mục đích chiếm đoạt giá trị thặng dư ở các nước nhập khẩu tư bản. Xét về hình thức đầu tư, có thể phân chia xuất khẩu tư bản thành xuất khẩu tư bản trực tiếp và xuất khẩu tư bản gián tiếp. Xuất khẩu tư bản trực tiếp là đưa tư bản ra nước ngoài để trực tiếp kinh doanh thu lợi nhuận cao. Xuất khẩu tư bản gián tiếp là cho vay để thu lợi tức.

Theo Tổ chức Tiền tệ quốc tế (IMF): “*FDI là một hoạt động đầu tư được thực hiện nhằm đạt được những lợi ích lâu dài trong một doanh nghiệp hoạt động trên lãnh thổ của một nền kinh tế khác nền kinh tế nước chủ đầu tư, mục đích của chủ đầu tư là giành quyền quản lý thực sự doanh nghiệp*”.

Theo Tổ chức Thương mại thế giới (WTO): “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài xảy ra khi một nhà đầu tư từ một nước (nước chủ đầu tư) có được một tài sản ở một nước khác (nước thu hút đầu tư) cùng với quyền quản lý tài sản đó. Phương diện quản lý là thứ để phân biệt FDI với các công cụ tài chính khác. Trong phần lớn trường hợp, cả nhà đầu tư lẫn tài sản mà người đó quản lý ở nước ngoài là các cơ sở kinh doanh. Trong những trường hợp đó, nhà đầu tư thường hay được gọi là "công ty mẹ" và các tài sản được gọi là "công ty con" hay "chi nhánh công ty"*”.

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), khái niệm về FDI như sau: “*Một doanh nghiệp đầu tư trực tiếp là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hoặc không có tư cách pháp nhân trong đó nhà đầu tư trực tiếp sở hữu ít nhất 10% cổ phiếu*”.

thường hoặc cổ phiếu có quyền biểu quyết. Điểm mấu chốt của đầu tư trực tiếp là chủ định thực hiện quyền kiểm soát công ty”. Khái niệm chỉ ra điểm khác biệt cơ bản giữa FDI và các hình thức đầu tư nước ngoài khác là quyền kiểm soát công ty. Tuy nhiên, tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu không phải luôn luôn là 10%, phụ thuộc vào quy định của pháp luật từng quốc gia.

Kết hợp những khái niệm trên có thể hiểu một cách khái quát về đầu tư trực tiếp nước ngoài như sau: *“Đầu tư trực tiếp nước ngoài là việc nhà đầu tư của các nước chuyển vốn bằng tiền hoặc các nguồn lực cần thiết sang một nước khác để đầu tư, tiến hành các hoạt động đầu tư và trực tiếp tham gia tổ chức, quản lý, điều hành, ... hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận theo quy định pháp luật nước sở tại”. Các nguồn lực cần thiết trong khái niệm này bao gồm tài sản hữu hình (máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ, bất động sản, các loại hợp đồng và giấy phép có giá trị,...), tài sản vô hình (quyền sở hữu trí tuệ, bí quyết và kinh nghiệm quản lý,...) hoặc tài sản tài chính (cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, giấy ghi nợ,...).*

1.1.2 Khái niệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Với những tiềm năng, lợi ích to lớn của vốn FDI, hầu hết các nước tiếp nhận vốn đầu tư đều rất quan tâm đến vấn đề làm thế nào để thúc đẩy sự gia tăng dòng vốn này vào quốc gia mình. Từ đó, thuật ngữ thu hút vốn FDI được sử dụng phổ biến trong các nghiên cứu và thực tiễn. “Thu hút” là tạo nên ấn tượng mạnh mẽ để người khác quan tâm và dồn sự chú ý vào, đây là hoạt động chủ quan của chủ thể.

Như vậy, có thể hiểu rằng: *“Thu hút vốn FDI là tập hợp những hành động, những chính sách của bên nhận đầu tư nhằm tạo ấn tượng mạnh mẽ, lôi cuốn sự chú ý của nhà đầu tư nước ngoài, kích thích họ có ý định đầu tư, đưa ra quyết định bỏ vốn FDI vào một ngành nghề, một địa phương, vùng kinh tế hay quốc gia đó”. Đây là một trong những hoạt động thu hút nguồn lực quan trọng mà bất cứ một quốc gia nào cũng thực hiện trong quá trình hội nhập sâu và rộng hiện nay. Hoạt động này bao gồm rất nhiều nội dung từ việc xác định nhu cầu đến các hoạt động thu hút và giữ chân các nhà đầu tư hay thúc đẩy các nhà đầu tư gia tăng đầu tư.*

1.1.3 Khái niệm quản lý nhà nước

Quản lý, theo nghĩa chung là loại hình hoạt động xã hội bắt nguồn từ tính chất cộng đồng dựa trên sự phân công lao động xã hội và hợp tác để tiến hành những công việc nhằm mục đích chung. C.Mác viết: “Bất kỳ lao động xã hội trực tiếp hay lao động chung nào đó mà được tiến hành tuân theo một quy mô tương đối lớn đều cần có sự

quản lý ở mức độ nhiều hay ít nhằm phối hợp những hoạt động cá nhân và thực hiện những chức năng chung phát sinh từ sự vận động của toàn bộ cơ thể sản xuất”.

Quản lý nhà nước là một nội dung trong quản lý xã hội do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Quản lý nhà nước được hiểu theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Theo nghĩa rộng, quản lý nhà nước là hoạt động của Nhà nước trên các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp nhằm thực hiện các chức năng đối nội và đối ngoại của Nhà nước. Theo nghĩa hẹp, quản lý nhà nước là hoạt động được thực hiện chủ yếu bởi các cơ quan Nhà nước nhằm bảo đảm chấp hành pháp luật và nghị quyết của các cơ quan quyền lực Nhà nước để tổ chức, quản lý mọi mặt đời sống xã hội.

Từ những cơ sở trên, có khái niệm như sau: *“Quản lý nhà nước là tổng thể các hoạt động của cơ quan Nhà nước tác động đến đối tượng quản lý nhằm bảo đảm cho các hoạt động kinh tế, chính trị và các mối quan hệ xã hội được duy trì, phát triển theo hướng tích cực, đúng quy định pháp luật”*. Hoạt động quản lý nhà nước được thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế của Nhà nước

1.1.4 Khái niệm quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI là vấn đề rất quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế mỗi nước. Cùng với sự xuất hiện dòng đầu tư nước ngoài, quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI đã dần hoàn thiện, phát triển để bảo đảm công tác quản lý, điều chỉnh hành vi của cá nhân, tổ chức đầu tư FDI trên tất cả các lĩnh vực kinh doanh, đời sống xã hội do các cơ quan, công chức trong bộ máy nhà nước thực hiện, nhằm phục vụ nhân dân, duy trì sự ổn định và phát triển bền vững xã hội.

Như vậy, có khái niệm: *“Quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là tác động của cơ quan quản lý nhà nước có chức năng và thẩm quyền nhất định tới lĩnh vực thu hút FDI nhằm thực hiện các mục tiêu đã định trong lĩnh vực này và hướng tới thực hiện các mục tiêu của quản lý nhà nước về kinh tế của đất nước”*.

1.2 Một số lý thuyết cơ bản của quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

1.2.1 Đặc điểm đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thứ nhất, đầu tư trực tiếp nước ngoài hiện nay gắn liền với các hoạt động kinh doanh quốc tế của các công ty đa quốc gia. Các dự án FDI thường đa dạng, đến từ nhiều nguồn khác nhau, gắn liền với các hoạt động kinh doanh của công ty đa quốc gia và là

nơi gặp gỡ của nhiều nền văn hóa khác nhau. Các chủ đầu tư phải đóng góp một khối lượng vốn tối thiểu theo quy định của từng quốc gia.

Thứ hai, sự phân chia quyền quản lý các doanh nghiệp phụ thuộc vào mức độ đóng góp vốn. Nếu đóng góp 100% vốn thì doanh nghiệp hoàn toàn do chủ đầu tư nước ngoài điều hành và quản lý. Lợi nhuận của các chủ đầu tư phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân chia theo tỷ lệ góp vốn sau khi nộp thuế và trả lợi tức cổ phần.

Thứ ba, đầu tư trực tiếp nước ngoài được thực hiện thông qua việc xây dựng doanh nghiệp mới, mua lại toàn bộ hoặc từng phần doanh nghiệp đang hoạt động hoặc sáp nhập các doanh nghiệp với nhau.

Thứ tư, các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài hoạt động có tính tập trung và ảnh hưởng nhau. Khác với các dự án độc lập, các dự án FDI thường hoạt động trong khu công nghiệp, khu kinh tế tạo thành một quần thể xã hội thu nhỏ.

Thứ năm, đầu tư trực tiếp nước ngoài là một bộ phận, lĩnh vực đầu tư của quốc gia và địa phương, chịu sự chi phối của các quy định về quy hoạch và định hướng phát triển công nghiệp chung cả nước.

Thứ sáu, đầu tư trực tiếp nước ngoài không chỉ gắn liền với di chuyển vốn mà còn gắn liền với chuyển giao công nghệ, chuyển giao kiến thức và kinh nghiệm quản lý, tạo ra thị trường mới cho cả phía đầu tư và phía nhận đầu tư.

Cần thấy rằng, những đặc điểm trên cũng chính là những yêu cầu quan trọng trong thiết kế giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI, cả cấp vĩ mô lẫn vi mô, cả trước mắt cũng như lâu dài.

1.2.2 Vai trò của quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

QLNN về thu hút vốn FDI góp phần nâng cao trình độ công nghệ của quốc gia. Hiện nay, nhiều quốc gia đưa ra những chính sách thu hút FDI công nghệ cao và dành những ưu tiên đặc biệt cho FDI đầu tư vào lĩnh vực công nghệ 4.0 mới này như: internet kết nối vạn vật, trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo, tương tác thực tại ảo, điện toán đám mây, phân tích dữ liệu lớn,... Có thể khẳng định, tiếp thu công nghệ cao thông qua FDI là con đường ngắn nhất giúp các quốc gia tiết kiệm nguồn nhân lực; đồng thời, rút ngắn được thời gian nghiên cứu để tạo ra các sản phẩm mới với chất lượng cao, từng bước đưa nền kinh tế đi lên bằng chính nguồn lực của mình, nâng cao trình độ công nghệ sản xuất, quản lý và kinh doanh, giúp thu hẹp nhanh khoảng cách về công nghệ giữa các nước.

QLNN về thu hút vốn FDI góp phần nâng cao năng lực sản xuất của nền kinh tế. Đối với các nước đang phát triển, nhất là các nước nghèo, kỳ vọng lớn nhất của việc quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI chủ yếu là nhằm mục tiêu tăng trưởng kinh tế. FDI tạo cơ hội cho các nước nghèo tiếp cận công nghệ tiên tiến hơn, dễ dàng chuyển giao công nghệ hơn, thúc đẩy quá trình phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng quản lý và trình độ lao động,... Đóng góp của khu vực FDI vào tăng trưởng năng suất lao động phần lớn do dịch chuyển lao động từ khu vực năng suất lao động thấp sang khu vực FDI với năng suất lao động cao hơn. Khu vực FDI tập trung chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, khai khoáng và những ngành có năng suất lao động cao. Tác động này được xem là các tác động tràn về năng suất của FDI, góp phần làm tăng năng suất lao động của các doanh nghiệp trong nước nói riêng và nâng cao năng lực sản xuất của toàn xã hội nói chung.

QLNN về thu hút vốn FDI góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Đầu tư trực tiếp nước ngoài được nhìn nhận như một trong những “trụ cột” tăng trưởng kinh tế bền vững. Vai trò của FDI được thể hiện rõ qua việc đóng góp vào các yếu tố quan trọng của tăng trưởng như bổ sung nguồn vốn đầu tư, đẩy mạnh xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm,... Ngoài ra, FDI cũng đóng góp tích cực vào tạo nguồn thu ngân sách và thúc đẩy hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

QLNN về thu hút vốn FDI góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng có hiệu quả. FDI được xem như chất xúc tác, có vai trò quan trọng đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH. Điều này được thể hiện qua đóng góp của FDI vào chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế và chuyển dịch cơ cấu vùng kinh tế. Điểm đáng lưu ý là chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế đi liền với xuất hiện nhiều sản phẩm công nghiệp mới, có giá trị gia tăng cao, đóng góp vào sự tăng trưởng GDP của cả nước. Khu vực có vốn nước ngoài đã trở thành một bộ phận quan trọng của nền kinh tế, bên cạnh khu vực nhà nước và khu vực ngoài nhà nước.

1.2.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

a) Nhân tố chủ quan

Lợi thế so sánh về địa lý, kinh tế, xã hội

Với vị trí địa lý thuận lợi sẽ tạo ra khả năng phát triển công nghệ cao, xuất khẩu, vận chuyển hàng hóa qua các vùng, các khu vực trên thế giới. Với tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng cho phép phát triển kinh tế theo hướng đa ngành và tham gia tích cực vào phân công lao động quốc gia và quốc tế. Tài nguyên thiên nhiên phong phú, gần nguồn nguyên liệu sẽ làm cho chi phí sản xuất trở nên rẻ hơn, thu hút được nhiều nhà đầu tư nước ngoài hơn.

Kết cấu hạ tầng và các dịch vụ hỗ trợ

Kết cấu hạ tầng và các dịch vụ hỗ trợ có tác động đến công tác quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI. Bởi kết cấu hạ tầng bao gồm: mạng lưới giao thông, mạng lưới thông tin liên lạc, hệ thống cung cấp năng lượng, cấp thoát nước, các công trình công cộng phục vụ sản xuất kinh doanh như sân bay,...tốt hay xấu, thuận lợi hay không thuận lợi sẽ tác động đến chi phí gián tiếp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài. Cùng với đó, hệ thống thông tin liên lạc là nhân tố quan trọng trong bối cảnh bùng nổ thông tin hiện nay, khi mà thông tin về tất cả các biến động trên thị trường ở mọi nơi được truyền tải liên tục trên thế giới. Chậm trễ trong thông tin liên lạc sẽ đánh mất cơ hội kinh doanh. Môi trường đầu tư hấp dẫn dưới con mắt của nhà đầu tư là phải có hệ thống thông tin liên lạc rộng lớn và cước phí rẻ. Ngoài ra, hệ thống các ngành dịch vụ như: tài chính ngân hàng, bưu chính viễn thông, tư vấn hay cung cấp năng lượng và nước sạch,...đảm bảo cho việc sản xuất quy mô lớn và liên tục, các dịch vụ này nếu không đáp ứng được nhu cầu sản xuất thì sẽ gây rất nhiều trở ngại cho nhà đầu tư.

Năng lực quản lý, thu hút vốn FDI

Các cơ quan nhà nước có chức năng, nhiệm vụ ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về FDI; quản lý, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư FDI; giám sát và bảo đảm việc thi hành pháp luật về FDI; quyết định quy hoạch, kế hoạch thu hút vốn FDI,...Vi vậy, năng lực quản lý của hệ thống chính quyền có tác động rất lớn đến công tác quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI, nếu hệ thống chính quyền các cấp có năng lực tốt thì sẽ nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về FDI. Ngược lại, nếu năng lực quản lý nhà nước của chính quyền các cấp hạn chế, yếu kém thì chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về FDI không cao, thậm chí còn phát sinh tiêu cực trong hoạt động quản lý FDI.

Năng lực quản lý còn thể hiện ở việc đơn giản hóa các thủ tục hành chính, bởi thủ tục hành chính càng đơn giản, gọn nhẹ, rõ ràng thì sức hút của môi trường đầu tư đối với các nhà đầu tư nước ngoài càng lớn. Thủ tục hành chính ảnh hưởng đến tất cả các hoạt động đầu tư, nếu thủ tục hành chính không được quan tâm, sát sao dễ tạo ra hiện tượng

những nhiều, tiêu cực từ đó làm tăng chi phí kinh doanh, làm mất lòng tin của các nhà đầu tư nước ngoài. Vì vậy, cải cách thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong việc xin cấp giấy phép đầu tư, đăng ký kinh doanh. Sự đơn giản hóa các thủ tục hành chính sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư nước ngoài trong quá trình đăng ký, triển khai thực hiện dự án đầu tư cũng như giảm các chi phí cả về vật chất và thời gian, tạo dựng được độ tin cậy của các nhà đầu tư nước ngoài. Cùng với đó, quyết liệt cải cách quản trị các cấp hành chính, xây dựng một bộ máy trách nhiệm, tin cậy và hiệu quả, thông qua việc phát triển và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, hướng tới tăng cường trách nhiệm giải trình tạo dựng niềm tin cho nhà đầu tư, doanh nghiệp, người dân... Đây là điều kiện thuận lợi để thu hút nguồn vốn FDI.

b) Nhân tố khách quan

Hệ thống khung pháp lý, cơ chế, chính sách

Hệ thống pháp luật bao gồm các luật liên quan đến hoạt động đầu tư như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường,... và các văn bản hướng dẫn luật, các quy định về hoạt động đầu tư đối với người nước ngoài, các văn bản về quản lý nhà nước trong hoạt động đầu tư,... đây chính là hành lang pháp lý, cơ sở để thu hút vốn FDI. Các nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào một quốc gia nào đó sẽ quan tâm đến cá nhân họ khi đầu tư được bảo vệ như thế nào, tài sản của họ có được đảm bảo không, các quy định chuyển phần lợi nhuận về nước họ ra sao,... Đây cũng chính là nhân tố ảnh hưởng đến các quyết định đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài. Mặt khác, hệ thống pháp luật không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư FDI mà còn có chức năng ngăn cản những tác động tiêu cực mà các nhà đầu tư cố tình vi phạm ảnh hưởng đến lợi ích cộng đồng, an ninh quốc gia và tạo ra sự cạnh tranh không bình đẳng giữa các nhà đầu tư. Điều đó làm cho công tác quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI gặp nhiều khó khăn, vướng mắc.

Yếu tố hội nhập

Với xu thế toàn cầu hóa, mức độ phụ thuộc lẫn nhau ngày càng lớn, các quốc gia hoạt động trong mối quan hệ mở và nếu quốc gia nào cô lập khép kín sẽ khó lòng phát triển tốt được. Hợp tác cùng tồn tại và phát triển là xu thế tất yếu của các quốc gia trên thế giới ngày nay. Hợp tác trong kinh tế quốc tế là đem lại lợi ích trước hết cho quốc gia nhằm phát triển đất nước, nhưng đồng thời cũng giải quyết đúng đắn mối quan hệ với lợi ích quốc gia khác. Tham gia quan hệ kinh tế quốc tế, các nước có cơ hội trao đổi thương mại quốc tế, hợp tác quốc tế về kinh tế và khoa học công nghệ, hợp tác đầu tư quốc tế, các dịch vụ thu ngoại tệ,... Đây là cơ sở, một mặt vừa tạo môi trường thuận lợi

cho FDI, mặt khác tạo điều kiện thuận lợi cho quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI. Nhiều quốc gia khi thực hiện mở cửa tham gia các tổ chức kinh tế của khu vực và quốc tế, hoạt động ngoại thương phát triển nhanh chóng, thu hút đầu tư nước ngoài gia tăng, chất lượng đầu tư nước ngoài được cải thiện đáng kể, gia tăng thêm nguồn lực phát triển kinh tế đất nước.

Sự ổn định kinh tế vĩ mô và xu hướng chuyển dịch của dòng FDI quốc tế

Sự ổn định môi trường kinh tế vĩ mô như ổn định về kinh tế, chính trị, xã hội là điều kiện hết sức quan trọng để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Các nhà đầu tư nước ngoài sẽ rất hạn chế khi tham gia đầu tư vào những nước có môi trường kinh tế vĩ mô kém ổn định vì khi đầu tư vào những nơi này sẽ tạo ra những rủi ro kinh doanh mà các nhà đầu tư không thể lường trước được. Khi có sự bất ổn về môi trường kinh tế vĩ mô, rủi ro tăng cao thì các dòng FDI trên thế giới sẽ chững lại và vốn đầu tư sẽ di chuyển đến những nơi an toàn và có mức sinh lời cao hơn, ngay cả khi đã đầu tư rồi mà có sự bất ổn nhất là bất ổn về chính trị thì các nhà đầu tư nước ngoài sẽ tìm mọi cách để rút lui vốn, điều này gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI.

Mặt khác, khi nền kinh tế thế giới có sự ổn định sẽ tác động tích cực đến sự di chuyển các dòng vốn đầu tư nước ngoài, làm cho quá trình thu hút đầu tư, quản lý nhà nước của các nước thuận lợi hơn rất nhiều, ngược lại khi môi trường kinh tế thế giới không ổn định, tình trạng lạm phát cao, suy thoái kinh tế diễn ra nhiều nơi thì sẽ rất khó khăn cho công tác quản lý, tiếp nhận dòng vốn từ các nhà đầu tư nước ngoài. Đón bắt được xu hướng chuyển dịch vốn FDI trên thế giới là một yếu tố quan trọng để đưa ra các chính sách phù hợp để tăng cường công tác quản lý cũng như tiếp nhận dòng vốn FDI chuyển về. Đồng thời, cải thiện tốt hơn nữa về môi trường đầu tư, sẽ dễ dàng hơn trong công tác thu hút, quản lý FDI bằng các chính sách thích hợp.

Tiềm lực tài chính, năng lực kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài

Tiềm lực tài chính, năng lực kinh doanh của các nhà đầu tư nước ngoài là một trong những yếu tố quyết định đến khả năng thực hiện các hoạt động đầu tư của họ. Lợi nhuận là mục tiêu cuối cùng mà các nhà đầu tư nước ngoài muốn hướng tới, lợi nhuận từ việc đầu tư lại phụ thuộc vào năng lực kinh doanh của chính nhà đầu tư. Mặc dù mọi hoạt động liên quan đến hoạt động kinh doanh đều do chính các nhà đầu tư chịu trách nhiệm, nếu hoạt động kinh doanh tốt thì lợi nhuận đó thuộc về họ trong trường hợp bị lỗ thì nhà đầu tư chính là người bị thiệt thòi, nhưng khi quốc gia không tự đánh giá được năng lực kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư kinh doanh. Các nhà đầu tư với năng lực kinh doanh tốt, khả năng

tạo ra lợi nhuận cao chính là cơ sở để họ tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, đóng góp nhiều cho sự phát triển kinh tế và cũng tạo ra nhiều tác động lan tỏa tích cực thúc đẩy, lôi cuốn các nhà đầu tư nước ngoài khác và ngược lại.

1.3 Nội dung, nguyên lý giải quyết quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

1.3.1 Nội dung quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

a) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Trong một nền kinh tế luôn có nhiều chủ thể và thành phần kinh tế tham gia, mỗi chủ thể kinh tế, mỗi thành phần kinh tế đều có lợi ích riêng của mình, chạy theo lợi ích để có được lợi nhuận tối đa, họ luôn chịu sự tác động của cơ chế thị trường (cả tích cực và tiêu cực), cả cạnh tranh lành mạnh và không lành mạnh. Điều đó, đòi hỏi phải có sự quản lý của Nhà nước. Nhà nước định hướng các thành phần kinh tế bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ quản lý như: pháp luật, chính sách, các nguồn lực của Nhà nước trên cơ sở tôn trọng các quy luật của thị trường. Theo đó, các cơ quan chức năng của Nhà nước tiến hành nghiên cứu kiến nghị Chính phủ, bổ sung, hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch thu hút vốn FDI, ưu tiên các lĩnh vực phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội và thế mạnh của địa bàn. Xây dựng các kế hoạch trung, dài hạn về xúc tiến đầu tư, thu hút và hướng dẫn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Kế hoạch thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài phải tính đến sự liên kết kinh tế của các vùng kinh tế trọng điểm, tránh tình trạng quy hoạch treo gây lãng phí.

b) Tổ chức và thực hiện các cơ chế, chính sách có liên quan

Nhà nước thực hiện các biện pháp nhằm hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài tổ chức sản xuất, kinh doanh, tăng vốn đầu tư theo đúng quy hoạch, kế hoạch và giấy phép đầu tư đã được phê duyệt. Các cơ quan chức năng sẽ thực hiện các biện pháp nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư trong quá trình sản xuất kinh doanh. Bảo hộ và hỗ trợ quyền sở hữu tài sản và lợi nhuận hợp pháp của nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài. Để quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI trên địa bàn, cần tổ chức, sắp xếp lại, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cơ quan quản lý với đầu tư trực tiếp nước ngoài.

c) Kiểm tra, kiểm soát việc xây dựng, tổ chức thực hiện

Quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI thực hiện đối với việc xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đầu tư và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, các quy định thủ tục cấp phép đầu tư trực tiếp nước ngoài. Thiết lập trật tự, kỷ cương trong hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài, phát hiện những sơ hở, hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý, kịp thời điều chỉnh nội dung, hình thức, biện pháp quản lý cho phù hợp, nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI. Các cơ quan quản lý nhà nước về FDI thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động FDI trên địa bàn. Chủ trì, phối hợp các Sở, Ban, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, thanh tra định kỳ và đột xuất các hoạt động FDI. Làm đầu mối tiếp nhận, kiểm tra, giám sát, thẩm định, thẩm tra các dự án FDI.

Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch và các quy định của pháp luật, các cơ quan quản lý nhà nước tiến hành kiểm tra, thanh tra phát hiện những sai sót, lệch lạc trong quá trình triển khai và thực hiện dự án đầu tư trực tiếp từ nước ngoài để có biện pháp chấn chỉnh, ngăn chặn kịp thời, đảm bảo thượng tôn pháp luật. Đặc biệt chú trọng kiểm tra, giám sát, xử lý dứt điểm các dự án FDI gây ô nhiễm môi trường; sử dụng đất không hiệu quả; trốn thuế; hối lộ các quan chức chính quyền; kinh doanh thua lỗ nhiều năm; dự án thực hiện không đúng cam kết đầu tư... Trong quá trình thanh tra, giám sát các hoạt động FDI, các cơ quan quản lý cũng cần kịp thời phát hiện, tiếp nhận, xử lý những vướng mắc, khó khăn, giúp đỡ nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt được lợi ích hợp pháp của mình khi đầu tư vào địa bàn.

d) Tổ chức bộ máy QLNN về thu hút vốn FDI

Các Bộ, Ban, ngành, đoàn thể liên quan đến lĩnh vực đầu tư trong bộ máy quản lý nhà nước là những cơ quan trực tiếp đưa ra các chính sách nhằm thu hút vốn FDI có hiệu quả. Việc xây dựng và thực hiện phân cấp, phân quyền là một sự thay đổi quan trọng trong điều chỉnh hệ thống quản lý, đây cũng là cách thức nhằm giảm thiểu tính tập trung quá mức quyền lực vào một cơ quan quản lý duy nhất, để dẫn đến tình trạng quan liêu, độc đoán.

Các Ban quản lý xây dựng kế hoạch đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ quản lý nhà nước về thu hút FDI như: bồi dưỡng năng lực đề xuất, tham mưu hoạch định chính sách thu hút FDI; kỹ năng soạn thảo, thuyết trình, bảo vệ và tổ chức thực hiện để xây dựng và triển khai các dự án FDI; năng lực tổ chức hướng dẫn, thực hiện chế độ, chính sách, các quy định về quản lý nhà nước về FDI; thực hiện, đề xuất các biện pháp kiểm tra, đánh giá; năng lực tổ chức phối hợp, tổ chức kiểm tra, tổng kết thực thi chính sách.

1.3.2 Chỉ tiêu đánh giá quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

a) Hiệu quả thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Đánh giá dựa trên số lượng dự án FDI, quy mô của từng dự án, tốc độ giải ngân vốn, lĩnh vực được đầu tư,...

b) Hiệu quả kinh tế

Đóng góp của vốn FDI vào tổng vốn đầu tư xã hội: Là tỷ lệ phần vốn FDI trong tổng nguồn vốn đầu tư xã hội của địa phương, quốc gia tiếp nhận vốn FDI. Các nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm đều cho thấy FDI có ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng kinh tế của nước tiếp nhận. FDI tăng làm tăng tổng nguồn vốn đầu tư xã hội, đồng thời tạo ra tác động tràn đến đầu tư nội địa, thị trường lao động và công nghệ. Đóng góp của FDI vào tổng đầu tư toàn xã hội càng cao cho thấy hiệu quả kinh tế của FDI là lớn. Tuy nhiên xét về tổng thể, tỷ lệ FDI trên tổng nguồn vốn đầu tư xã hội còn phụ thuộc vào sự thay đổi đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước và ngoài nhà nước. Vì vậy, cần đánh giá chỉ tiêu này trong mối tương quan với chỉ tiêu đóng góp vào tăng trưởng kinh tế để biết sự tương xứng về đóng góp kinh tế và tiềm năng của khu vực FDI.

Đóng góp của vốn FDI vào tăng trưởng kinh tế: Thể hiện qua tỷ lệ đóng góp của khu vực FDI vào GDP. Đóng góp vào GDP lớn là một trong những dấu hiệu quan trọng để nhận biết hiệu quả kinh tế cao của khu vực FDI. Tuy nhiên, chỉ tiêu này chỉ nói lên hiệu quả kinh tế FDI về mặt lượng. Theo đó, cần xem xét chỉ tiêu này trong mối quan hệ với các chỉ tiêu khác trong nhóm chỉ tiêu hiệu quả kinh tế.

Đóng góp của vốn FDI vào kim ngạch xuất khẩu: Thông qua hoạt động xuất nhập khẩu, các doanh nghiệp FDI cung cấp nhiều sản phẩm có chất lượng cao cho nhu cầu tiêu dùng của xã hội, góp phần cải thiện và nâng cao mức tiêu dùng của người dân. Ngoài ra, các doanh nghiệp FDI còn tạo ra sự cạnh tranh ngay tại thị trường trong nước, thúc đẩy doanh nghiệp trong nước đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh sản xuất theo hướng xuất khẩu. Góp phần mở rộng quan hệ quốc tế, mở ra cơ hội để hàng hóa thương hiệu của nước tiếp nhận đầu tư đến với thị trường nước ngoài, đồng thời tăng giá trị trong cơ cấu hàng xuất khẩu. Đóng góp của FDI vào kim ngạch xuất khẩu có thể được phản ánh qua một số chỉ tiêu như: Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu của khu vực FDI; tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của khu vực FDI so với kim ngạch xuất khẩu của toàn nước.

Thu ngân sách nhà nước: Khu vực FDI hoạt động kinh doanh có hiệu quả, thu được lợi nhuận cao sẽ có đóng góp ngày càng nhiều vào nguồn thu ngân sách thông qua việc

thực hiện các nghĩa vụ tài chính, từ đó góp phần làm tăng chi tiêu công cho các vấn đề xã hội và xóa đói giảm nghèo. Ngoài ra, đóng góp của khu vực FDI vào ngân sách còn giúp cho nước tiếp nhận đầu tư đảm bảo được nguồn tài chính của mình, có tích lũy để tái sản xuất mở rộng. Đánh giá nội dung này có thể sử dụng các chỉ tiêu: tốc độ tăng thu ngân sách hàng năm của khu vực FDI; tỷ lệ thu ngân sách từ khu vực FDI so với tổng thu ngân sách.

c) Hiệu quả xã hội

Khả năng tạo việc làm cho người lao động: Được thể hiện qua số lượng việc làm mà khu vực FDI tạo ra trong tương quan với các khu vực kinh tế khác, được xác định bằng tỷ lệ phần trăm trong tổng lao động có việc làm trong các ngành kinh tế.

Tỷ lệ lao động tạo ra của khu vực FDI = $(\text{Số lao động trong khu vực FDI} / \text{Tổng số lao động của địa phương}) \times 100\%$.

Tỷ lệ này cao cho biết dòng vốn FDI có chất lượng tốt trong tạo việc làm và ngược lại.

Tác động của FDI đến môi trường: Đây là một chỉ tiêu rất khó có thể chuẩn hóa.

Để đánh giá chỉ tiêu này cần xem xét:

Tỷ trọng doanh nghiệp FDI gây ô nhiễm môi trường = $(\text{Số lượng doanh nghiệp không tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường} / \text{Tổng số các doanh nghiệp}) \times 100\%$

Tỷ trọng doanh nghiệp FDI gây ô nhiễm môi trường càng lớn cho thấy khu vực đang tiếp nhận dòng vốn FDI kém chất lượng, gây ảnh hưởng tới môi trường. Chi phí cho cải tạo môi trường hàng năm của khu vực FDI và chi phí môi trường dự kiến tiết kiệm được của các doanh nghiệp FDI khi đầu tư cho biết mức độ quan tâm đến bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp FDI.

d) Hiệu ứng và tác động lan tỏa

Mức độ chuyển giao công nghệ: Được thể hiện thông qua số hợp đồng chuyển giao công nghệ tại địa phương; tỷ trọng các dự án đầu tư đến từ các nước nắm giữ công nghệ nguồn (như EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ...); tỷ lệ nội địa hóa. Các chỉ tiêu này càng cao cho thấy mức độ chuyển giao công nghệ lớn của các doanh nghiệp FDI vào địa bàn tiếp nhận vốn đầu tư.

Mức độ liên kết của khu vực FDI với doanh nghiệp trong nước. Sự liên kết chặt chẽ của khu vực FDI và doanh nghiệp trong nước thể hiện qua: hình thức liên kết trong hoạt động FDI; sự hoàn thiện của khu vực công nghiệp phụ trợ; mức độ liên kết trong

hệ thống quản trị điều hành giữa doanh nghiệp trong và ngoài nước; mức độ đào tạo và nâng cao kỹ năng của người lao động trong khu vực FDI.

1.3.3 Nguyên tắc trong quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thứ nhất, bảo đảm sự lãnh đạo, quản lý tập trung đối với hoạt động thu hút vốn FDI nhằm thực hiện có hiệu quả đường lối, chính sách phát triển kinh tế-xã hội của Nhà nước; đồng thời tuân thủ pháp luật của quốc gia, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Thứ hai, việc phối hợp quản lý nhà nước thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Sở, Ban, ngành và các đơn vị có liên quan. Thông qua phối hợp, các bộ phận, đơn vị trong cơ quan Nhà nước được trao đổi hoạt động và thông tin với nhau, hỗ trợ cho nhau trong việc thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của mình. Điều đó không chỉ tạo dựng sự đoàn kết, đồng thuận, hỗ trợ nhau giữa các bộ phận phòng ban mà còn có thể phát huy dân chủ, khai thác năng lực, sở trường của từng Sở, Ban, ngành và các đơn vị có liên quan trong công tác để cùng hướng vào mục tiêu thu hút vốn FDI như kế hoạch đã đề ra nhưng sử dụng ít thời gian, công sức và nguồn lực nhất.

Thứ ba, đề cao trách nhiệm và vai trò chủ động của các đơn vị trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm sự kiểm tra chặt chẽ đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đề cao vai trò hướng dẫn và thái độ chủ động tham vấn của các cơ quan Nhà nước cấp trên đối với các cấp quản lý về các vấn đề phức tạp, như: quy hoạch thu hút FDI, tổ chức hệ thống thông tin thống nhất và đồng bộ cả nước có kết nối với các nước khác,... Từ đó, xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ, liên kết của các đơn vị lãnh đạo từ Trung ương đến địa phương trong việc phát hiện, xử lý các vi phạm của doanh nghiệp FDI một cách kịp thời, hiệu quả.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1 Tổng quan tình hình và các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.1.1 Tổng quan tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội

a) Số lượng và quy mô dự án đầu tư FDI

Theo Niên giám thống kê của Cục Thống kê thành phố Hà Nội. Năm 2018, thành phố thu hút 7.501 triệu USD, tăng gấp hơn 2 lần năm 2017, là năm đứng đầu cả nước và cao nhất kể từ 30 năm thực hiện chủ trương thu hút đầu tư nước ngoài. Trong đó, số dự án cấp mới tăng 10,8%, tăng 238,6% về vốn đăng ký, vốn FDI thực hiện tăng 127,3% so với năm 2017. Con số FDI năm 2019 cũng đặc biệt ấn tượng, thành phố tiếp tục dẫn đầu cả nước về thu hút vốn FDI với 8.700 triệu USD. Trong đó số dự án được cấp phép mới tăng 49,2%, giảm 68,1% về số vốn đăng ký và vốn FDI thực hiện giảm 19,7% so với năm 2018.

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường, khiến dòng vốn đầu tư toàn cầu suy giảm, các hoạt động xúc tiến đầu tư, ra quyết định đầu tư đều đang phải tạm ngừng, năm 2020 đầu tư nước ngoài đạt 3.800 triệu USD. Trong đó số dự án được cấp phép mới giảm 44,2%, giảm 42% về số vốn đăng ký và vốn FDI thực hiện tăng 4,9% so với năm 2019. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2021, số dự án đăng ký mới giảm 43,1% và giảm 80,7% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm ngoái.

Bảng 2.1: Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 đến 9 tháng đầu năm 2021

Năm	Số dự án được cấp mới (Dự án)	Tổng vốn đăng ký (Triệu USD)	Vốn thực hiện (Triệu USD)	Quy mô vốn dự án (Triệu USD/Dự án)
2018	616	5.032	2.300	8,18
2019	919	1.606	1.847	1,74
2020	512	932	1.937	1,82
9 tháng 2021	246	162,6	-	0,7
Tổng số	2.293	7.732,6	6.084	3,36

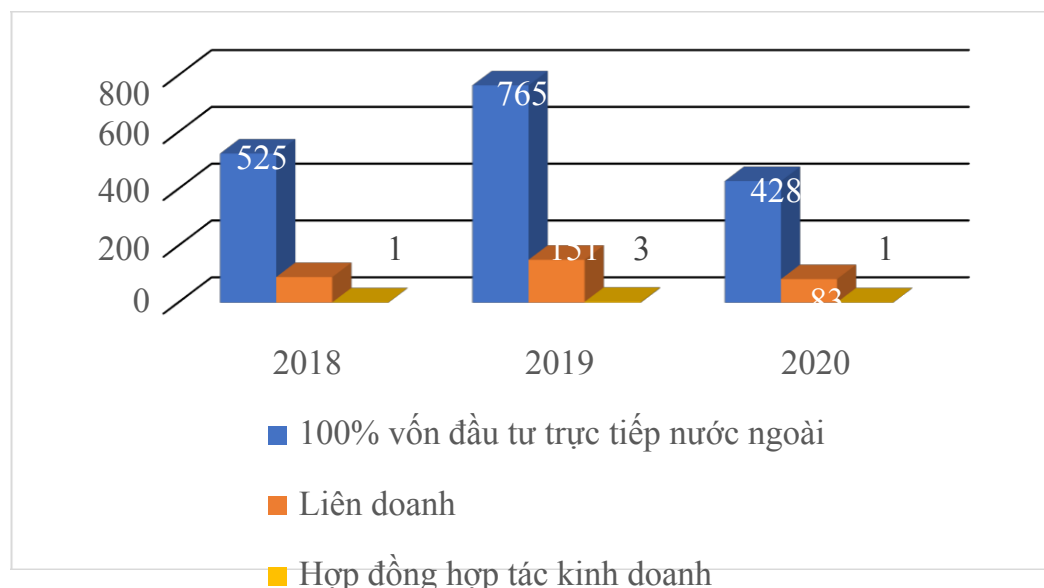
Nguồn: Niên giám thống kê thành phố Hà Nội

Năm 2018 là năm ghi nhận vốn đăng ký bình quân một dự án cao nhất 8,18 triệu USD/dự án. Đến năm 2019 vốn đăng ký bình quân một dự án cao nhất 1,74 triệu USD/dự án. Năm 2020 là 1,82 triệu USD/dự án. Một số dự án FDI có nguồn vốn đầu tư lớn vào thành phố Hà Nội như: Dự án thành phố thông minh do liên doanh giữa Tập đoàn BRG (Việt Nam) và Tập đoàn Sumitomo (Nhật Bản) đầu tư phát triển với tổng mức đầu tư 4.138 triệu USD trên diện tích 272 ha tại huyện Đông Anh khởi công tháng 10/2018; Trường đua ngựa Sóc Sơn 420 triệu USD năm 2019; Dự án Khu trung tâm đô thị Tây hồ Tây (Hàn Quốc) tại thành phố Hà Nội, điều chỉnh tăng vốn đầu tư thêm hơn 774 triệu USD (GCNĐT điều chỉnh cấp ngày 29/6/2020);...Thời gian tới, việc thu hút các dự án đầu tư nước ngoài tiếp tục được thành phố coi trọng, trong đó ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ tương lai, dự án xanh,...nhằm phát triển bền vững.

b) Cơ cấu dự án đầu tư FDI

Đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hình thức đầu tư

Hiện nay, đầu tư trực tiếp nước ngoài ở thành phố Hà Nội tồn tại nhiều dưới hình thức doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, còn hình thức liên doanh và hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh chiếm tỷ trọng không lớn. Hình thức liên doanh tuy số lượng dự án không nhiều song lại có lượng vốn đăng ký lớn nhất, đặc biệt là năm 2018 với 4.276 triệu USD.



Biểu đồ 2.1: Số lượng dự án FDI theo hình thức doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2020

Nguồn: Niên giám thống kê thành phố Hà Nội

Đầu tư trực tiếp nước ngoài phân theo lĩnh vực

Theo số liệu thu thập từ niên giám thống kê giai đoạn 2018-2020, những nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào tổng cộng 18 ngành, lĩnh vực. Lĩnh vực thu hút vốn lớn nhất là bất động sản, chiếm 62%; hoạt động chuyên môn hóa, khoa học – công nghệ chiếm 8,2%, công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 7,5% vốn FDI;...FDI đầu tư vào hoạt động bán buôn, bán lẻ, sửa chữa có lượng dự án lớn nhất 864 dự án, tổng số vốn đăng ký chiếm 8,8%. Trong khi đó, FDI trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản có số lượng dự án và tổng lượng vốn rất thấp.

Bảng 2.2: Đầu tư trực tiếp nước ngoài phân theo ngành kinh tế trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2020

STT	Ngành kinh tế	Số dự án được cấp phép (Dự án)	Tổng vốn đăng ký (Triệu USD)	Vốn thực hiện (Triệu USD)
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	75	569	928
2	Kinh doanh bất động sản	61	4.695	1.838
3	Thông tin và truyền thông	196	108	105
4	Xây dựng	165	327	231
5	Hoạt động chuyên môn, KH-CN	345	625	462
6	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	90	28	53
7	Cấp nước, xử lý chất thải	5	162	132
8	Nghệ thuật và giải trí	6	14	12
9	Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa	864	667	405
10	Vận tải, kho bãi	50	29	53
11	Y tế và trợ giúp xã hội	9	14	23
12	Sản xuất, phân phối điện nước	5	6	11
13	Giáo dục và đào tạo	93	44	27
14	Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	13	236	452
15	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	1	3	2
16	Hành chính và dịch vụ hỗ trợ	57	37	27
17	Hoạt động làm thuê	1	1	1
18	Dịch vụ khác	11	5	7
	Tổng cộng	2.047	7.570	4.769

Nguồn: Cục Thống kê thành phố Hà Nội

Năm 2021, lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò chủ lực trong thu hút FDI. Tiếp theo là các lĩnh vực sản xuất, phân phối điện; kinh doanh bất động sản; bán buôn, bán lẻ; hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ... Điểm nổi bật là hầu hết dự án FDI Hà Nội thu hút đều chọn lọc theo hướng có hàm lượng công nghệ cao, cách quản trị hiện đại, tác động lan tỏa về công nghệ, kết nối chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài phân theo đối tác đầu tư

Phần lớn số vốn và dự án của thành phố Hà Nội đến từ các quốc gia và vùng lãnh thổ thuộc châu Á. Tính đến cuối năm 2020, có 81 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào thành phố, châu Á chiếm tới 50%. Các nhà đầu tư đến từ các nước phát triển có nền khoa học, công nghệ cao còn rất khiêm tốn. Theo Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, quan điểm thu hút FDI của thành phố là thu hút có chọn lọc, hiệu quả. Không như những năm trước, Hà Nội xây dựng chiến lược thu hút FDI với từng thị trường, dựa vào thế mạnh của họ. Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan, Mỹ, châu Âu, Australia và New Zealand sẽ là những thị trường mục tiêu trong giai đoạn tới.

Bảng 2.3: Đầu tư trực tiếp nước ngoài phân theo đối tác đầu tư giai trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2020

STT	Quốc gia, vùng lãnh thổ	Số dự án được cấp phép (Dự án)	Vốn đăng ký (Triệu USD)
1	Hàn Quốc	838	513
2	Nhật Bản	388	5.017
3	Trung Quốc	281	183
4	Singapore	115	578
5	Đài Loan	33	201
6	Hoa Kỳ	46	20
7	Hồng Kông	52	294
8	Pháp	13	16
9	Úc	28	20
10	Thái Lan	20	69
11	Anh	18	14
12	Malaysia	15	30
13	Hà Lan	7	217
14	Các quốc gia khác	193	398
Tổng số		2.047	7.570

Nguồn: Cục Thống kê thành phố Hà Nội

2.1.2 Các nhân tố ảnh hưởng

a) Nhân tố chủ quan

Lợi thế so sánh về địa lý, kinh tế, xã hội

Hà Nội là thủ đô của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trung tâm đầu não chính trị, hành chính và đô thị loại đặc biệt; là một trong những trung tâm kinh tế, du lịch, thương mại, dịch vụ của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Nằm về phía Tây Bắc của vùng đồng bằng sông Hồng, có nhiều thuận lợi về giao thông, lợi thế về nguồn lao động chất lượng khá cao so với các địa phương khác, Hà Nội trở thành thành phố đa sắc màu về văn hóa, các loại hình kinh tế phát triển mạnh, môi trường đầu tư kinh doanh không ngừng được cải thiện, quốc phòng – an ninh được giữ vững, đối ngoại được mở rộng. Về kinh tế, Hà Nội được đánh giá là trung tâm phát triển kinh tế lớn và năng động thứ hai của cả nước, sau thành phố Hồ Chí Minh. Nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú cũng là một trong những thế mạnh thu hút nhà đầu tư nước ngoài của thành phố. Điều đó thể hiện qua sự tăng trưởng mạnh mẽ của dòng vốn FDI vào Hà Nội thời gian qua một phần bắt nguồn từ chiến lược mở rộng đầu tư sản xuất của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam - được đánh giá là quốc gia có nhiều cơ hội, lợi điểm từ quá trình hội nhập sâu và rộng, đặc biệt trong sân chơi của các FTA. Đây là điều kiện thuận lợi cho thành phố xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chính sách, hỗ trợ FDI của thành phố.

Kết cấu hạ tầng và các dịch vụ hỗ trợ

Nhìn vào hình ảnh của Hà Nội hôm nay, có thể thấy được không gian đô thị hiện đại với hàng loạt các công trình hạ tầng được đầu tư đồng bộ. Nhiều dự án giao thông trọng điểm đã về đích, như: Cầu vượt Ô Đông Mác - Nguyễn Khoái; nút giao Cổ Linh; cải tạo nút giao Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch;... Về sân bay, Cục Hàng không Việt Nam đề xuất Bộ Giao thông Vận tải năm 2030 sẽ phát triển khu bay phía Bắc và phía Nam với quy mô 3 đường cất hạ cánh, đến năm 2050 sẽ có 4 đường cất hạ cánh và sẽ xây dựng các nhà ga T3, T4 và T5, thủ đô sẽ có thêm sân bay thứ 2. Sáng 9/9/2021, Ban Quản lý dự án sân bay Nội Bài đã tiến hành nghiệm thu, đưa vào khai thác đường cất hạ cánh 1B và các công trình phụ trợ thuộc Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài. Ngoài giao thông, các công trình phát triển hạ tầng kỹ thuật của thành phố đã được đầu tư đồng bộ, hiện đại. Cập nhật tiến độ các dự án phát triển nguồn, mạng cấp nước đã được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư, đại diện Sở Xây dựng Hà Nội cho biết, 4 dự án cấp nguồn (công suất dự kiến tăng thêm khoảng 370.000 m³/ngày đêm) và 9 dự án mạng lưới cấp nước đang được đẩy nhanh tiến độ thi công, tập trung trong năm 2020-2021.

Bên cạnh đó, các dịch vụ liên lạc cũng là điều mà doanh nghiệp FDI rất quan tâm. Chiều 2/8/2021 tại Hà Nội, các doanh nghiệp viễn thông Viettel, VNPT, Mobifone, CMC, FPT, Vietnamobile, SCTV đã công bố gói hỗ trợ dịch vụ viễn thông lên tới gần 10.000 tỷ đồng nhằm giảm bớt khó khăn cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, trong đó có doanh nghiệp FDI.

Năng lực quản lý, thu hút vốn FDI

Cán bộ, công chức phụ trách QLNN về thu hút FDI trên địa bàn thành phố chủ yếu đã qua đào tạo chuyên môn nghiệp vụ. Thành phố đã đẩy mạnh các hoạt động bồi dưỡng, đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ quản lý nhà nước về FDI, bảo đảm cho nguồn nhân lực chất lượng cao đạt chuẩn quy định. Thành phố thực hiện nhiều giải pháp đơn giản thủ tục hành chính trong FDI, thủ tục hành chính thủ đô Hà Nội đã áp dụng các quy định mới về thủ tục cấp phép đầu tư theo quy trình một cửa được đánh giá là có nhiều chuyển biến tích cực.

b) Nhân tố khách quan

Hệ thống khung pháp lý, cơ chế, chính sách

Nhìn chung, các Sở, Ban, ngành luôn chủ động xây dựng các kế hoạch trung, dài hạn về xúc tiến đầu tư, thu hút và hướng dẫn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào thành phố Hà Nội. Trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, công tác quy hoạch, kế hoạch thu hút FDI được UBND thành phố chỉ đạo quyết liệt, quản lý quy hoạch có chuyển biến rõ rệt.

Yếu tố hội nhập

Tính đến thời điểm hiện nay, Hà Nội đã có quan hệ hữu nghị, hợp tác với hơn 100 thủ đô, thành phố lớn trên thế giới, duy trì vai trò tích cực trong các khuôn khổ hợp tác đa phương, là thành viên của các tổ chức liên đô thị quốc tế. 32 thỏa thuận quốc tế trong các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các chương trình hợp tác về nông nghiệp công nghệ cao, quản lý đô thị bền vững, giáo dục và đào tạo, y tế,... đã được ký kết. Các cuộc thăm viếng, tiếp đón, làm việc với các đoàn khách quốc tế của lãnh đạo Thành ủy, HĐND, UBND thành phố đã trở thành hoạt động thường xuyên, khoảng 250 lượt/năm.

Sự ổn định kinh tế vĩ mô và xu hướng chuyển dịch của dòng FDI quốc tế

Năm 2020 là một năm đầy gian khó với cả nước nói chung và Hà Nội nói riêng, bởi những ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh COVID-19. Tuy nhiên, với nhiều giải pháp đồng

bộ, sáng tạo, cả hệ thống cùng đồng lòng, Hà Nội đã vượt khó để thực hiện nhiệm vụ kép, vừa phục hồi vừa phát triển kinh tế. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của thủ đô ước đạt 3,98%, cao gấp 1,54 lần bình quân chung cả nước. Thu hút FDI luôn đứng trong top đầu của cả nước. Mặc dù chỉ chiếm 1% về diện tích, 8,5% về dân số nhưng Hà Nội đang đóng góp gần 16% GDP; 18,5% thu ngân sách và 8,6% tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu của cả nước. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Hà Nội năm 2020 đạt 69,93 điểm, tăng 1,13 điểm so với năm 2019, đưa thành phố giữ vững vị trí thứ chín trong bảng xếp hạng giai đoạn 2018-2020, thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành tốt nhất.

Tiềm lực tài chính, năng lực kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài

Hà Nội trong những năm qua đã có những bước phát triển nổi bật và đặc biệt là thế mạnh thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Vì thế, tiềm lực tài chính và khả năng tăng trưởng của một số doanh nghiệp FDI đầu tư vào thành phố khá ổn định, ví dụ như: Sơn Toa Việt Nam, Vinacad, Panasonic, Masuoka Gumi, Marecorp Việt Nam,...

2.2 Phân tích thực trạng quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.2.1 Thực trạng xây dựng và thực thi hệ thống pháp luật, chính sách, chiến lược, kế hoạch, quy hoạch quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thời gian qua, các cơ quan Nhà nước của thành phố Hà Nội đã tích cực đề xuất Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, quan tâm xây dựng, hoàn thiện và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, tuân thủ đúng pháp luật về FDI của Nhà nước. Sau khi mở rộng địa giới hành chính Hà Nội, nhất là khi Nhà nước ban hành và điều chỉnh, sửa đổi các văn bản luật liên quan đến FDI như Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Thủ đô,... cũng như các chỉ thị, nghị quyết, nghị định, công văn của Chính phủ, các bộ ngành Trung ương, UBND, HĐND các cấp như: Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về Định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của thành phố Hà Nội và danh mục lĩnh vực đầu tư cho vay giai đoạn 2021-2025 của Quỹ đầu tư phát triển thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 20/NQ-HĐND về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025;... Thành phố Hà Nội đã quán triệt và kịp thời ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cùng các cơ chế, chính sách, đáp ứng được với yêu cầu hoạt động và quản lý nhà nước về thu hút FDI trên địa bàn thành phố.

Thành phố Hà Nội luôn thể hiện tính tiên phong trong các hoạt động đồng hành, hỗ trợ các doanh nghiệp. Tính trung bình, mỗi năm lãnh đạo UBND thành phố thực hiện 200 buổi làm việc với các nhà đầu tư, tổ chức quốc tế để tìm hiểu môi trường đầu tư.

Thành phố đã ban hành và tích cực triển khai Chỉ thị số 14/CT-UBND về nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021; Văn bản số 3014/UBND-TKBT ngày 10/9/2021 về việc phân công tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 105/NQ-CP về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid 19;... Tại Hội nghị đối thoại tháo gỡ khó khăn đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở Hà Nội trong bối cảnh dịch Covid 19, lãnh đạo thành phố đã đề xuất, kiến nghị rút ngắn thời gian cấp phép cho chuyên gia nước ngoài làm việc, có đơn vị giải quyết cho doanh nghiệp FDI; miễn giảm thuế nhưng không áp dụng cơ chế giãn thuế, giải quyết vấn đề chồng chéo chi phí logistics,...

Bên cạnh đó, để thúc đẩy hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư hợp tác phát triển kinh tế - xã hội của thủ đô với các quốc gia trên thế giới, việc xây dựng các kế hoạch, thực hiện các cam kết quốc tế cũng vô cùng quan trọng: Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 1/9/2020 về thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) của thành phố Hà Nội; Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 24/5/2021 của UBND thành phố Hà Nội về hội nhập quốc tế thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 6/4/2021 về tổ chức các hoạt động thông tin đối ngoại năm 2021;... Việc này không chỉ xây dựng mối quan hệ hòa bình, hữu nghị, hợp tác giữa các nước mà còn đẩy mạnh quảng bá hình ảnh, tiềm năng của thủ đô và đất nước ra thế giới, khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Liên quan đến thẩm tra, thẩm định, phê duyệt dự án FDI, trên cơ sở Nghị định 29/2021/NĐ-CP quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; Chỉ thị 1617/CT-TTG ngày 10/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý nhà nước về đầu tư và phòng ngừa việc phát sinh các vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;... Thành phố, UBND thành phố đã ban hành nhiều quyết định, nghị định, thông tư để tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động FDI trên địa bàn Hà Nội như: Công văn số 536/UBND-KH&ĐT về triển khai giám sát, đánh giá đầu tư năm 2018 trên địa bàn; Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND về ban hành Quy chế phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong tuyển dụng và quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung, một số điều của Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 1/8/2016 của UBND thành phố về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính thành phố Hà Nội; Công văn

4037/UBND-KH&ĐT Hà Nội 2021 xây dựng Kế hoạch giám sát, đánh giá đầu tư chương trình của thành phố. Những văn bản trên đã tạo điều kiện cho công tác thẩm tra, thẩm định, phê duyệt dự án FDI.

Thông qua việc xây dựng và thực thi pháp luật, những chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đó, hiệu quả quản lý nhà nước thu hút FDI của thành phố Hà Nội đã được nâng cao.

2.2.2 Thực trạng kiểm tra, giám sát trong quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội

Theo báo cáo của HĐND thành phố Hà Nội, trong nhiệm kỳ 2018 đến 9 tháng đầu năm 2021, Thường trực, các Ban HĐND thành phố, Sở, Ban, ngành đã tổ chức được tổ chức được 35 cuộc kiểm tra giám sát đối với doanh nghiệp FDI và hoạt động đầu tư FDI trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, doanh nghiệp FDI thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 và trực tuyến qua Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài. Hàng năm, các Sở chuyên ngành có trách nhiệm phối hợp với Công an, Cục Thuế và các đơn vị liên quan của thành phố xây dựng chương trình kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá tình hình chấp hành các quy định về đầu tư và kinh doanh định kỳ và theo chuyên đề đối với các doanh nghiệp FDI, khoảng 300-500 doanh nghiệp, dự án/năm.

UBND Thành phố đã chỉ đạo thành lập nhiều đoàn liên ngành kiểm tra các hoạt động liên quan đến các hoạt động FDI của thành phố từ khâu lập quy hoạch, kế hoạch đến phê duyệt, triển khai, thực hiện tiến độ, quản lý, giải ngân, quyết toán dự án FDI...

nhằm phát hiện những điểm bất cập, bất hợp lý trong cơ chế quản lý, thậm chí ngay cả chủ trương, quyết định đầu tư để kịp thời sửa đổi cho phù hợp, trên cơ sở đó bảo đảm FDI đạt được mục tiêu của thành phố đề ra cả về tổng vốn đầu tư, cơ cấu vốn đề ra. Trong đó, UBND thành phố đã tiến hành kiểm tra, thanh tra xử phạt những doanh nghiệp FDI không thực hiện đúng pháp luật của Việt Nam và thành phố như: Xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH WK Vina về việc kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; Xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH Nano Vina về việc chưa đủ điều kiện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Dự án Nano Vina; Xử phạt vi phạm hành chính đối Công ty TNHH Daejin Tech về việc giãn tiến độ thực hiện dự án, giãn tiến độ đầu tư nhưng chưa được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư; Xử phạt vi phạm hành chính đối với

Công ty TNHH LSH C&A Vina về việc đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp quá thời hạn quy định;...

Bảng 2.4: Doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài bị xử phạt hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 - 2020

Năm	Tổng số doanh nghiệp	Mức phạt (Triệu VNĐ)
2018	5	110
2019	5	95
2020	3	40

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội

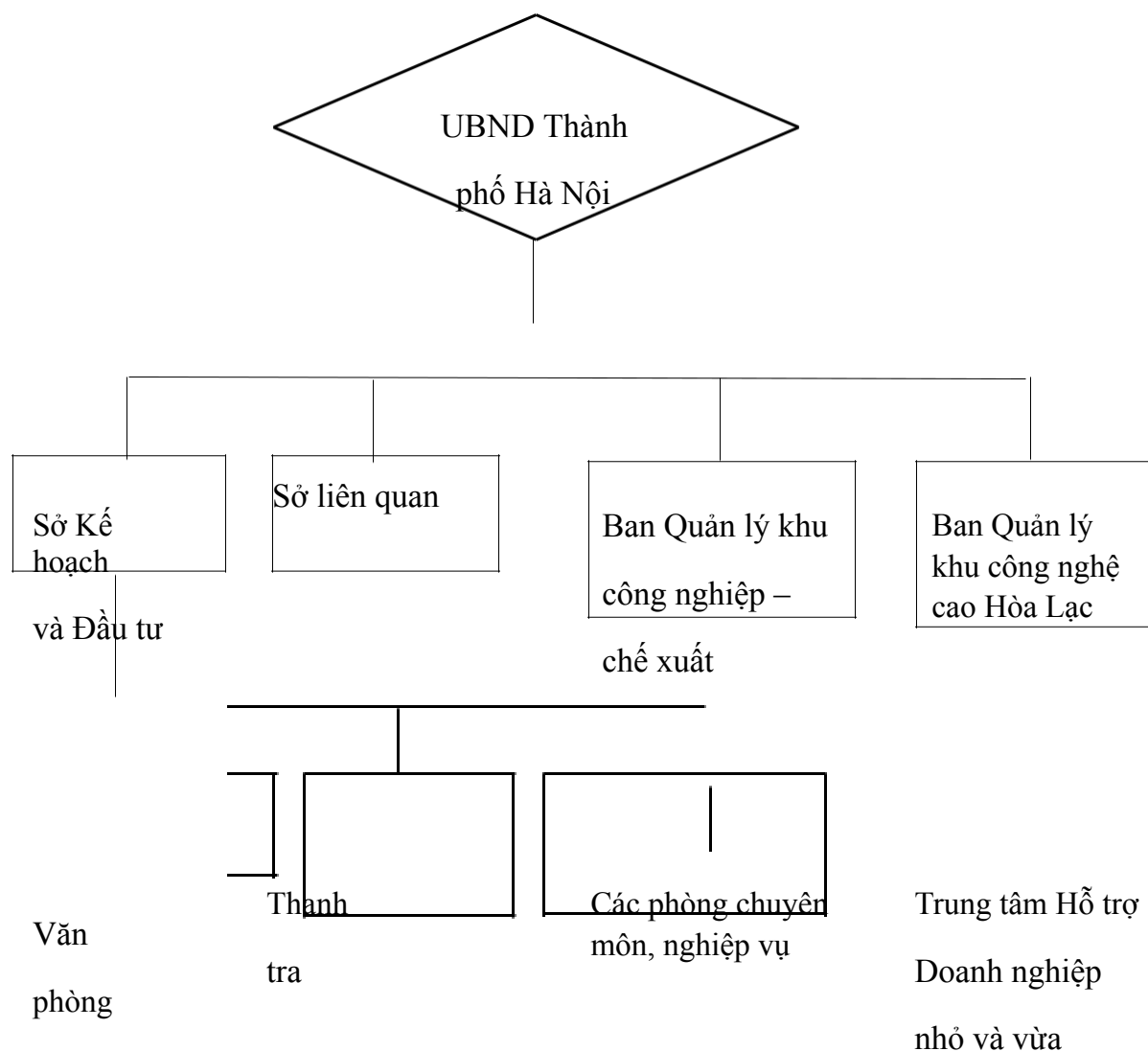
Công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI, được thực hiện chủ yếu thông qua nắm bắt các thông tin từ các báo cáo kết quả hàng năm của doanh nghiệp gửi lên và từ những nguồn thông tin đại chúng, nên những thông tin thu được thường chậm không kịp thời, có tình trạng doanh nghiệp rơi vào lỗ giả lãi thật đã ảnh hưởng đến việc thu thuế của thành phố. Theo báo cáo Cục thuế thành phố Hà Nội năm 2019, Cục thuế thành phố đã tiến hành thanh tra, 332 doanh nghiệp FDI thì phát hiện có 326 đơn vị vi phạm, số tiền giảm lỗ hơn 1.500 tỉ đồng, truy thu, phạt, truy hoàn gần 498 tỷ đồng. Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước trong lĩnh vực này còn yếu, thiếu và mỏng nên khó có thể theo dõi quản lý liên tục, thường xuyên. Trong các doanh nghiệp FDI tại thành phố về thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, bảo vệ lợi ích của người lao động chưa được quan tâm. Trong các doanh nghiệp FDI, quan hệ chủ thợ rất rõ nét; giới chủ luôn hướng đến tối đa hóa lợi nhuận, dẫn đến ở không ít các doanh nghiệp quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động bị vi phạm như tiền công, tiền lương chưa thỏa đáng, thời gian cũng như cường độ lao động căng thẳng, điều kiện lao động chưa đảm bảo đã dẫn đến tranh chấp lao động trong các doanh nghiệp FDI.

Các quy định về giám sát, kiểm tra, thanh tra trong đầu tư nói chung, FDI nói riêng, các cơ quan chức năng của thành phố Hà Nội thực hiện khá tốt việc phối hợp và tranh thủ sự hỗ trợ của các bộ, ngành Trung ương tổ chức triển khai thực hiện kiểm tra và giám sát các dự án FDI trên địa bàn thành phố Hà Nội do UBND thành phố quản lý.

2.2.3 Thực trạng bộ máy quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Hiện tại, Hà Nội có 3 cơ quan đầu mối thực hiện công tác quản lý nhà nước về FDI trên địa bàn, gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND thành phố cấp và quản lý các dự án FDI ngoài khu công nghiệp, khu công nghệ cao; Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp và quản lý các dự án trong các khu công nghiệp tập trung;

Ban Quản lý khu công nghệ cao Hoà Lạc cấp và quản lý các dự án trong khu. Sở KH&ĐT là cơ quan đầu mối tổng hợp báo cáo và tham mưu cơ chế, chính sách chung về hoạt động FDI trên địa bàn, định kỳ báo cáo UBND thành phố và Bộ KH&ĐT theo quy định.



Sơ đồ 2.2: Cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội

Nguồn: Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam

Theo kết quả kiểm tra đảng viên trong bộ máy quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI trên địa bàn thành phố, ngoài những cán bộ ưu tú, thực hiện đúng nghĩa vụ và trách nhiệm được giao phó, vẫn phát hiện dấu hiệu vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc, thiếu trách nhiệm, buông lỏng lãnh đạo của một số tổ chức, cá nhân cán bộ, đảng viên thuộc UBND thành phố, Sở KH&ĐT vi phạm các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản về đấu thầu và thực hiện các gói thầu gây hậu quả nghiêm trọng. Tại kỳ họp thứ 5, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã xem

xét, kết luận một số nội dung quan trọng, trong đó thi hành kỷ luật cảnh cáo Đảng ủy Cơ quan Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2015-2020: cảnh cáo

các ông Nguyễn Thế Hùng (Nguyên Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội), Nguyễn An Huy (Chánh Thanh tra thành phố Hà Nội); khiển trách các ông Nguyễn Doãn Toàn (Trưởng Ban Dân vận Thành ủy, nguyên Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội), Nguyễn Mạnh Quyền (nguyên Giám đốc Sở KH&ĐT Hà Nội nhiệm kỳ 2015-202, hiện là Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội), Hà Minh Hải (hiện là Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội). Đặc biệt, khai trừ ra khỏi Đảng và xử lý hình sự với ông Nguyễn Đức Chung (nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Phó Bí thư Thành ủy, nguyên Bí thư Ban cán sự Đảng, nguyên Chủ tịch UBND thành phố) chịu trách nhiệm chính và trách nhiệm người đứng đầu về những vi phạm, khuyết điểm của Ban cán sự đảng UBND thành phố, đồng thời chịu trách nhiệm trực tiếp trong các vụ án nêu trên.

Để quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI đồng thời thu hút thêm vốn FDI vào Hà Nội trong thời gian tới, thành phố đã chủ động tổ chức, sắp xếp lại, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý của các cơ quan nhà nước đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài. Song song với đó, thành phố đã đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, tập huấn về cơ chế, chính sách, kỹ năng, kinh nghiệm về quản lý cho tất cả các đối tượng ở các Sở, phòng, ban các cấp. Bồi dưỡng, đào tạo về trình độ học vấn phù hợp với chuyên môn công tác, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học,...

2.3 Đánh giá chung kết quả quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.3.1 Những thành công đạt được

Thứ nhất, thành phố Hà Nội đã xây dựng và hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

Những năm qua, thành phố Hà Nội đã chủ động nghiên cứu, kiến nghị chính phủ, bổ sung, hoàn thiện quy hoạch thu hút FDI trên địa bàn thành phố, các quận, huyện, các ngành, lĩnh vực ưu tiên phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội và thế mạnh của thành phố. Thành phố tiếp tục đổi mới, hoàn thiện, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư bằng cách tuyên truyền, giới thiệu về môi trường đầu tư Hà Nội trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website, các báo, tạp chí trung ương và địa phương,... Đặc biệt sự tham gia cùng đoàn Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong khuôn khổ các chuyến thăm, công tác kết hợp lồng ghép vận động đầu tư ở nước ngoài (Nhật Bản, Ấn Độ, Đài Loan, Trung Quốc,...) đã góp phần gia tăng sự hiểu biết về Hà Nội, giới thiệu hình ảnh Hà Nội với tư cách là một điểm đến an toàn và đầy hứa hẹn đối với các nhà đầu tư.

Thứ hai, thành phố đã chú trọng công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý các vi phạm trong đầu tư trực tiếp nước ngoài, bảo đảm cho FDI hoạt động theo quy định của pháp luật và hướng tới mục tiêu đã đề ra

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra trong quản lý nhà nước về FDI của thành phố Hà Nội, những năm qua, công tác này được sự quan tâm chỉ đạo và thực hiện quyết liệt, đồng bộ của HĐND, UBND cũng như các cấp, các ngành và cơ quan chức năng của thành phố. Việc kiểm tra, thanh tra, giám sát được thực hiện đối với các công đoạn đầu tư như góp vốn, công nghệ đầu tư, vấn đề quyết toán công trình, sử dụng lao động trong dự án đầu tư, vấn đề tác động môi trường, đào tạo nghề trong khu vực FDI đã phát hiện được nhiều sai phạm. Đặc biệt chú trọng kiểm tra, giám sát, xử lý dứt điểm các dự án FDI gây ô nhiễm môi trường, thu hồi giấy phép của các dự án FDI sử dụng đất không hiệu quả hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, núp bóng người Việt Nam để đầu tư, chuyển giá, trốn thuế, kinh doanh thua lỗ, dự án thực hiện không đúng cam kết đầu tư,...

Thứ ba, đã xây dựng được bộ máy QLNN về thu hút FDI ngày càng hoàn thiện. Bộ máy QLNN về thu hút vốn FDI được xây dựng và được kiện toàn về cơ cấu tổ chức. Nhà nước có quy định cụ thể về chức năng của từng cơ quan trong bộ máy. Đồng thời, thực hiện phân cấp, phân quyền quản lý, tránh tập trung quá nhiều quyền lực vào một đơn vị cụ thể để không xảy ra hành vi tham ô, tham nhũng, gây thiệt hại cho cả Nhà nước và cả doanh nghiệp FDI. Bộ máy quản lý đã giúp cho Hà Nội thu hút được luồng vốn FDI và đảm bảo duy trì các hoạt động của dự án FDI theo khuôn khổ pháp luật và định hướng trong chiến lược, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thứ tư, trình độ, năng lực quản lý FDI của cán bộ, công chức trong bộ máy QLNN về thu hút FDI đã có nhiều tiến bộ rõ rệt

Cán bộ, công chức quản lý FDI của thành phố Hà Nội có nhiều bước chuyển biến tích cực trong chỉ đạo và điều hành chính sách thu hút FDI. Trình độ xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách thu hút FDI của cán bộ đã được nâng lên một bước. Chất lượng và phẩm chất của đội ngũ cán bộ trực tiếp giải quyết công tác thủ tục hành chính đã được nâng cao, có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ. Cơ cấu cán bộ QLNN về thu hút FDI nhìn chung là hợp lý. Cán bộ, công chức phụ trách quản lý đầu tư chủ yếu đã qua đào tạo chuyên môn nghiệp vụ.

Thứ năm, thủ tục hành chính trong hoạt động FDI được cải thiện theo hướng nhanh gọn, minh bạch, công khai hóa và tăng cường tính giám sát

Thủ tục quan hệ hành chính với công dân và doanh nghiệp được đẩy mạnh cải cách. Rà soát, loại bỏ những thủ tục hành chính bất hợp lý và phiền hà, công khai công tác chỉ đạo điều hành, thủ tục hành chính của chính quyền các cấp, duy trì kỷ cương hành chính và tác phong công chức, kiên quyết chống các biểu hiện tiêu cực trong quá trình thi hành công vụ.

2.3.2 Hạn chế và nguyên nhân

a) Hạn chế

Thứ nhất, công tác xây dựng, hoàn thiện môi trường pháp lý, các chính sách thu hút FDI còn thiếu đồng bộ.

Hiện nay, công tác xây dựng môi trường pháp lý, hoàn thiện các chính sách nhằm hướng dẫn, hỗ trợ, ưu đãi FDI của thành phố còn thiếu đồng bộ, chưa theo kịp với tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp FDI. Hệ thống luật pháp, các chính sách của Nhà nước về: thuế, hải quan, quản lý ngoại tệ, xuất nhập khẩu,... thiếu đồng bộ; mô hình quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp FDI trên địa bàn thành phố Hà Nội thiếu cơ chế trao đổi thông tin, thiếu cơ chế kiểm soát và hỗ trợ lẫn nhau gây khó khăn cho quá trình tìm hiểu môi trường đầu tư của thành phố. Việc thi hành chính sách và pháp luật đối với doanh nghiệp FDI của thành phố Hà Nội còn chậm trễ, thiếu tính thống nhất, đôi khi không rõ ràng.

Thứ hai, công tác lập quy hoạch, kế hoạch thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của thành phố Hà Nội còn chưa phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn

Công tác lập quy hoạch, kế hoạch thu hút FDI của thành phố Hà Nội còn bộc lộ những tồn tại, hạn chế như: công tác xây dựng chiến lược thiếu đồng bộ, chưa huy động được những dự án lớn mang tầm quốc gia, quốc tế góp phần phát triển kinh tế - xã hội; việc chuyển giao công nghệ của các doanh nghiệp FDI còn thấp; quy hoạch cho đầu tư công nghệ sạch của các doanh nghiệp FDI còn thiếu; việc kết nối giữa Hà Nội và các địa phương lân cận về FDI không đồng bộ, tính dự báo còn hạn chế;...

Thứ ba, bộ máy quản lý nhà nước về thu hút FDI còn kèngh

Bộ máy hành chính nhà nước nói chung, bộ máy quản lý nhà nước về thu hút FDI còn kèngh, chức năng chồng chéo, thủ tục đầu tư cho các doanh nghiệp FDI còn nhiều phức tạp; tình trạng thiếu, chưa đồng bộ, chưa rõ ràng về phạm vi, đối tượng, trình tự thủ tục, hồ sơ, thẩm quyền giải quyết, trách nhiệm xử lý trong quản lý nhà nước về FDI, dẫn đến việc thực hiện chưa thống nhất do nhận thức và cách áp dụng thực hiện quy

định pháp luật khác nhau, gây khó khăn cho cả doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước dẫn đến sự chán nản của nhà đầu tư, làm giảm nhu cầu mong muốn đầu tư của doanh nghiệp.

Thứ tư, năng lực quản lý thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài của thành phố còn nhiều hạn chế, bất cập

Việc chấp hành pháp luật trong quá trình đăng ký thành lập và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp FDI cũng nảy sinh một số vấn đề phức tạp do tranh chấp quyền sở hữu, điều hành... nhiều trường hợp lợi dụng thành lập các doanh nghiệp FDI để lừa đảo hoặc có dấu hiệu lừa đảo. Tranh chấp lao động trong các doanh nghiệp FDI diễn ra khá phổ biến, ngoài nguyên nhân do những mâu thuẫn quyền lợi thường gặp giữa chủ sử dụng lao động và người lao động như việc áp dụng quy định về lương, thưởng, bảo hiểm, tính công, chất lượng bữa ăn, phụ cấp...

Thứ năm, công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài của thành phố còn thiếu chủ động, tích cực và kiên quyết

Trong những năm qua, công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp FDI tại thành phố Hà Nội chưa được quan tâm đúng mức, thiếu chủ động, tích cực và kiên quyết, chỉ mới tập trung quan tâm tới cấp phép, chưa chú ý đến khâu quản lý sau cấp giấy phép. Về công tác quản lý hoạt động xây dựng cơ bản và thanh quyết toán công trình đối với doanh nghiệp FDI tại thành phố Hà Nội do Sở Xây dựng là cơ quan chủ trì. Tuy nhiên có thể nói, công tác này chưa chặt chẽ, còn buông lỏng thiếu sự kiểm tra thường xuyên của các cơ quan chức năng, vẫn còn tình trạng để mặc cho bên nước ngoài tổ chức thực hiện, nên nhiều công trình làm không đúng thủ tục thẩm định thiết kế, phá vỡ cảnh quan môi trường của thành phố. Công tác thanh quyết toán công trình, xác nhận vốn đầu tư thực hiện FDI chưa được thực hiện nghiêm túc. Một số dự án sau khi kết thúc xây dựng cơ bản không làm báo cáo hoặc miễn cưỡng để đối phó.

b) Nguyên nhân

Thứ nhất, hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước liên quan đến QLNN về thu hút FDI còn thiếu đồng bộ, chưa theo kịp thực tiễn.

Thực tiễn cho thấy, sự chồng chéo của pháp luật và các văn bản pháp lý được xem là rào cản lớn nhất trong việc cải tiến các thủ tục của công tác đầu tư nói chung, quản lý nhà nước về thu hút FDI nói riêng. Hiện nay, liên quan đến hoạt động đầu tư riêng Bộ Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo và chỉ đạo Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư và Luật Đầu tư

công. Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan soạn thảo Luật Đất đai, Luật Bảo vệ Tài nguyên môi trường. Bộ Công an phụ trách Luật Phòng cháy chữa cháy... Như vậy, điều chỉnh hoạt động đầu tư có tới cả chục luật, nhưng điều quan trọng là cùng một vấn đề nhưng giữa luật nọ và luật kia có sự khác biệt trong quy định dẫn tới nhiều khó khăn cho các đơn vị thực thi.

Thứ hai, công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành và sự phối hợp giữa một số cơ quan, lực lượng chức năng của thành phố Hà Nội trong QLNN về thu hút FDI chưa thật chặt chẽ, hiệu quả.

Công tác quản lý, điều hành giữa Sở Kế hoạch Đầu tư với các UBND quận, huyện chưa thống nhất, còn chồng chéo; phối hợp giữa Sở Kế hoạch Đầu tư với Sở Xây dựng, Sở Tài chính,... và một số cơ quan, lực lượng chức năng của thành phố Hà Nội trong QLNN về thu hút vốn FDI chưa thật chặt chẽ, hiệu quả. Thực tế cho thấy, những hạn chế trong quản lý nhà nước về FDI ở thành phố Hà Nội do nhiều nguyên nhân, có nguyên nhân từ chất lượng của một bộ phận cán bộ, công chức, nhân viên trực tiếp thực hiện nhiệm vụ QLNN về thu hút vốn FDI của thành phố Hà Nội. Đội ngũ cán bộ, công chức, nhân viên chuyên trách về FDI còn hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ, năng lực chuyên môn quản lý nhà nước, ngoại ngữ chưa bảo đảm. Đặc biệt, một số cán bộ, công chức thanh tra tại các dự án FDI còn vi phạm quy định trong thực hiện nhiệm vụ.

Thứ ba, việc kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quản lý nhà nước về FDI của một số cơ quan, quận, huyện chưa được thường xuyên, kiên quyết, thiếu kịp thời.

Việc kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quản lý kế hoạch, quy hoạch FDI của một số cơ quan, quận, huyện của thành phố Hà Nội chưa được thường xuyên, kiên quyết, kịp thời và hiệu quả. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến việc chậm tiến độ đầu tư, giải ngân FDI và sai phạm trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch thu hút FDI của thành phố Hà Nội. Báo cáo tổng kết của UBND thành phố Hà Nội chỉ rõ: công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm kỷ luật của nhiều đơn vị cơ sở chưa được thường xuyên, còn có biểu hiện buông lỏng trong QLNN ở một số khâu như cấp phép, theo dõi, giám sát, kiểm tra, thanh tra; chưa có các biện pháp, chế tài đủ mạnh để ngăn chặn, xử lý các sai phạm và biểu hiện tiêu cực xảy ra trên địa bàn thủ đô.

CHƯƠNG 3: CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

3.1 Quan điểm, định hướng quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.1.1 Định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 của thành phố Hà Nội

Mục tiêu định hướng phát triển kinh tế xã hội mà Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 2 đã đề ra: Xây dựng, phát triển thủ đô nhanh và bền vững theo hướng đô thị xanh, thành phố thông minh, hiện đại, có sức cạnh tranh cao trong nước và khu vực; tạo bước chuyển căn bản sang mô hình tăng trưởng dựa trên cơ sở sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cơ bản hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa. Phát triển văn hóa và con người Hà Nội, phát huy truyền thống Thăng Long - Hà Nội, ngàn năm văn hiến và anh hùng; thành phố vì hòa bình, thành phố sáng tạo, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý đô thị, dân cư, trật tự xây dựng, an toàn giao thông, đảm bảo kỷ cương, văn minh đô thị. Thực hiện thí điểm tổ chức thành công mô hình chính quyền đô thị, củng cố chính quyền nông thôn. Phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi và chất lượng cuộc sống của nhân dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính; tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, nâng cao năng lực cạnh tranh. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí,... Xây dựng lực lượng vũ trang thủ đô vững mạnh, toàn diện, ưu tiên hiện đại hóa một số lực lượng; xây dựng thể trận quốc phòng, an ninh nhân dân vững chắc. Mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và giao lưu nhân dân; tăng cường phối hợp, hợp tác với các ban, bộ, ngành Trung ương và liên kết các địa phương; đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hội nhập, tăng cường vị thế, uy tín và vai trò của thủ đô trong khu vực và quốc tế.

Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội những năm gần đây. Kế hoạch này là công cụ điều chỉnh định hướng thu hút vốn FDI phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của thành phố, tuân thủ theo đúng định hướng chung về đầu tư trực tiếp nước ngoài của Chính phủ.

3.1.2 Định hướng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội

Thành phố Hà Nội xác định mục tiêu phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 là xây dựng thủ đô trở thành thành phố “Xanh - Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”, đô thị phát triển năng động, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao trong nước, khu vực và quốc tế; có môi trường sống, làm việc tốt, sinh hoạt giải trí chất lượng cao và có môi trường đầu tư thuận lợi, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công chức, đảm bảo giải quyết nhanh chóng các thủ tục đầu tư. Các định hướng bảo đảm thu hút FDI của Hà Nội trong thời gian tới là: Giữ vững sự ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; khuyến khích mạnh mẽ việc thu hút và sử dụng FDI vào tất cả các lĩnh vực mà pháp luật không cấm; mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại; tiếp tục điều tra khảo sát và xác định chuẩn xác về tiềm năng kinh tế của các vùng; xây dựng cơ sở hạ tầng cho vùng và ngành kinh tế cần thúc đẩy phát triển.

Để đạt được những mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của thành phố, không chỉ rất cần đến sự tham gia sâu rộng hơn của khu vực FDI mà còn mong muốn sự cải thiện về chất lượng hoạt động FDI trong nền kinh tế. Nhận thức rõ về vấn đề này, Hà Nội đã quán triệt định hướng trong thu hút FDI như sau: Định hướng thu hút FDI phải phục vụ mục tiêu đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế phát triển theo chiều rộng sang chiều sâu, từ dựa vào chủ yếu tăng vốn đầu tư, khai thác tài nguyên và lao động sang dựa vào hiệu quả, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh. Thu hút FDI thời gian tới phải chuyển nhanh từ lợi thế lao động phổ thông và tiền công thấp sang lao động có kỹ thuật nhằm đạt được hai mục tiêu đồng thời: Ngành nghề sử dụng nhiều lao động phổ thông dành ưu tiên cho các doanh nghiệp trong nước; thu hút FDI vào ngành công nghệ cao, dịch vụ hiện đại với cam kết về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, để hình thành đội ngũ các nhà quản lý, kỹ sư, công nhân có sức tiếp cận tầm quốc tế.

Ngoài ra, định hướng thu hút FDI phải tuân thủ theo đúng định hướng chung về đầu tư nước ngoài của Chính phủ. Điều này có nghĩa cơ cấu thu hút và sử dụng FDI phải được thay đổi theo hướng nâng cao chất lượng FDI, xóa bỏ tư duy cứ nhiều là tốt, phải sàng lọc dự án FDI, lựa chọn dự án có sự lan tỏa lớn, đảm bảo nhân tố môi trường, định hướng vào những khu vực phù hợp. Thành phố định hướng thu hút FDI chọn lọc các dự án chất lượng, sản phẩm giá trị gia tăng có tính cạnh tranh cao từ các tập đoàn quy mô lớn, xuyên quốc gia; khuyến khích các dự án phát triển công nghiệp hỗ trợ, sản xuất công nghệ cao, công nghệ sinh học, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường; các dự án lĩnh vực công nghệ thông tin, phát triển nông nghiệp, thực phẩm sạch

an toàn; phát triển kết cấu hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu và phát triển, dịch vụ tài chính, ngân hàng... nhằm huy động có hiệu quả nguồn lực đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội thủ đô theo mô hình tăng trưởng bền vững. Một số lĩnh vực, dự án hạ tầng lớn mong muốn thu hút đầu tư nước ngoài: Các dự án đường sắt đô thị; dự án đầu tư xây dựng cầu bắc qua sông Hồng, các tuyến đường vành đai; các tuyến Metro (tư vấn thiết kế, cung cấp thiết bị máy đào ngầm, cung cấp đầu máy, toa xe, thiết bị liên quan); xây dựng và phát triển các khu đô thị vệ tinh, bãi đỗ xe ngầm, hạ tầng khu công nghiệp, trung tâm Logistic, mạng lưới trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích, chợ đầu mối, kinh doanh khách sạn, cơ sở lưu trú phục vụ du lịch.

3.1.3 Quan điểm hoàn thiện quản lý nhà nước đối với thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội trong giai đoạn tới

Thứ nhất, thống nhất nhận thức, cần xem FDI là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế. Cơ sở xác định quan điểm xuất phát từ vai trò của FDI đối với phát triển kinh tế - xã hội. Sự hiện diện của FDI góp phần thay da đổi thịt nền kinh tế, tác động trực tiếp tới việc bổ sung nguồn vốn quan trọng cho đầu tư phát triển, đóng góp vào tăng trưởng GDP và thu ngân sách Nhà nước, gia tăng tỷ trọng xuất khẩu, tăng trưởng năng suất lao động, tạo tác động lan tỏa công nghệ,...

Thứ hai, cần phải xây dựng được một hệ thống chính sách, pháp luật đồng bộ, thống nhất, chặt chẽ, rõ ràng, có tính khả thi, tạo dựng môi trường kinh tế, chính trị, pháp lý ổn định, lành mạnh và phát triển nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội các dự án đầu tư. Cơ sở xác định quan điểm xuất phát từ mục đích của công tác quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy hoạch, kế hoạch đề ra và đúng các quy định pháp luật; tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh để khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội các dự án đầu tư FDI, phòng, chống tham ô, lãng phí, thất thoát vốn trong FDI. Đồng thời, cơ sở xác định quan điểm còn xuất phát từ thực trạng dự án FDI của thành phố Hà Nội còn có hạn chế, bất cập, hiệu quả kinh tế - xã hội một số dự án đầu tư FDI vào thành phố không cao, còn dễ xảy ra tình trạng thất thoát, lãng phí trong đầu tư. Một số nội dung quản lý không được quán triệt và thực hiện đầy đủ, chất lượng không cao, hiệu quả kinh tế - xã hội các dự án đầu tư thấp gây lãng phí, thất thoát.

Thứ ba, QLNN về thu hút vốn FDI của thành phố Hà Nội phải phát huy vai trò, trách nhiệm, của các cấp chính quyền, cơ quan chức năng và toàn dân. Cơ sở xác định quan điểm xuất phát từ quy định pháp luật có nhiều tổ chức, lực lượng có chức năng, nhiệm vụ QLNN về FDI của thành phố Hà Nội. Đồng thời, QLNN về thu hút FDI của

thành phố Hà Nội chịu sự tác động của nhiều nhân tố như: điều kiện tự nhiên; kinh tế - xã hội của thành phố; cơ chế, chính sách về FDI của Trung ương và thành phố Hà Nội; năng lực quản lý FDI của chính quyền, cơ quan chức năng các cấp của thành phố Hà Nội; sự tác động trực tiếp của thị trường FDI. Do đó, công tác quản lý nhà nước về thu hút FDI của thành phố Hà Nội phải phát huy đầy đủ trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và toàn dân. Ngược lại, nếu không thực hiện được vấn đề này, sẽ không thu hút các nhà đầu tư FDI, không phát huy được trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, cũng như của nhân dân kéo theo đó làm giảm chất lượng, hiệu lực dự án FDI của Thành phố.

Ngoài những quan điểm đã kể trên, thành phố còn coi trọng đồng bộ hóa các giải pháp, tạo thuận lợi và bình đẳng tối đa, đồng thời đáp ứng cao nhất các yêu cầu hội nhập đã cam kết; đa dạng hóa các hình thức FDI; tập trung mọi lực lượng, mọi thành phần kinh tế, phát huy cao tính chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của tất cả các ngành, các cấp, mọi cán bộ, đảng viên quân chúng nhân dân lao động.

3.2 Giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.2.1 Nhóm giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

a) Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội

Hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực FDI phù hợp với thông lệ quốc tế, các quy định của các tổ chức kinh tế quốc tế mà Việt Nam tham gia theo cơ chế thị trường, hội nhập với khu vực và thế giới. Hệ thống các luật cần xây dựng và hoàn thiện gồm: Luật Hải quan (thuế nhập khẩu và xuất khẩu); Luật thuế giá trị gia tăng; Luật Đấu thầu mua – bán; Luật Hợp tác xã; Luật Bảo vệ người tiêu dùng; Luật Kiểm toán Nhà nước; Luật Xây dựng;... Bên cạnh đó, thành phố cần kiến nghị, đề xuất với cơ quan Nhà nước nhanh chóng ban hành các luật như: Luật Sở hữu trí tuệ; Luật Cạnh tranh; Luật Phá sản; Luật Chống phá giá; Luật Tín dụng;... nhằm tạo ra mặt bằng pháp lý cho môi trường đầu tư và kinh doanh bình đẳng, thông thoáng giữa các loại hình doanh nghiệp của các thành phần kinh tế khác nhau.

b) Hoàn thiện chính sách, chiến lược, kế hoạch, quy hoạch thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội

Một số chính sách cần hoàn thiện: Chính sách đất đai; Chính sách thuế; Chính sách tiền tệ, tín dụng; Chính sách lao động và tiền lương; Chính sách thị trường và tiêu thụ sản phẩm; Chính sách công nghệ;...

Về chiến lược, xây dựng chiến lược thu hút FDI của từng quận, huyện trên địa bàn thành phố. Đồng thời, xây dựng chiến lược liên kết ngành, lĩnh vực của thành phố với các địa phương khác.

Về quy hoạch, phải đáp ứng được quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế, xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Quy hoạch phải lựa chọn các ngành kinh tế mũi nhọn để thu hút FDI, đáp ứng yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường.

Về kế hoạch thu hút FDI phải rõ ràng và có tiến độ thời gian nhất định, theo đó sẽ làm cho nhà đầu tư nước ngoài biết được hướng đầu tư dài hay ngắn mà tính toán đầu tư chính xác, lựa chọn ngành nghề và phương án đầu tư.

3.2.2 Nhóm giải pháp hoàn thiện việc tổ chức thực hiện cơ chế quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

a) Hoàn thiện tổ chức thực hiện pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch

Đổi mới việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật, công khai các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch liên quan đến thu hút FDI trên địa bàn thành phố. Thành phố Hà Nội cần tranh thủ sự chỉ đạo, giúp đỡ của Chính phủ, phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành có liên quan, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền về đầu tư, quản lý quy hoạch đầu tư; tổ chức và xét duyệt, thẩm định dự án FDI, kiểm tra chất lượng dự án FDI,...

b) Tổ chức thực hiện xúc tiến, vận động đầu tư

Thay đổi cơ bản cách xúc tiến thu hút FDI. Cần xây dựng và triển khai đề án tổng thể xúc tiến đầu tư – thương mại du lịch cho từng quận, huyện. Tiếp tục kiện toàn các Trung tâm Xúc tiến đầu tư với chức năng tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu môi trường, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam nói chung, thành phố Hà Nội nói riêng một cách rộng rãi cùng với các cơ hội đầu tư, những ngành và lĩnh vực được ưu tiên trong đầu tư, các chương trình, dự án cụ thể... Xây dựng chiến lược đầu tư nhằm tạo dựng hình ảnh của thành phố Hà Nội với tư cách là một địa điểm đầu tư lý tưởng. Chiến lược xúc tiến đầu tư phải có trọng tâm, trọng điểm, đi vào từng dự án, không nên xúc tiến theo chủ trương để tránh dàn trải, phân tán nguồn lực, đồng thời tạo ra những ấn

tượng mạnh mẽ trong từng lĩnh vực cụ thể. Lựa chọn hình thức và phương pháp xúc tiến đầu tư thích hợp, có hiệu quả. Chủ động hoặc phối hợp giữa các cơ quan liên quan ở Trung ương, địa phương và quốc tế để tổ chức các diễn đàn về xúc tiến đầu tư ở Việt Nam và thành phố Hà Nội. Xây dựng hệ thống thông tin về vận động đầu tư, bao gồm việc mở website danh mục dự án kêu gọi đầu tư. Dành một khoản ngân sách nhất định cho hoạt động xúc tiến đầu tư. Đây là nguồn kinh phí rất cần thiết vì nó góp phần nâng cao hình ảnh và vị thế của thành phố Hà Nội trên trường quốc tế.

c) *Tổ chức kiểm tra, giám sát việc xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; tổ chức kiểm tra, giám sát hỗ trợ các dự án đã được cấp phép*

Cần xác định nội dung, các hình thức trong tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát nhất là vấn đề xây dựng và thực hiện cơ chế QLNN. Hoàn thiện các quy trình quản lý, kiểm tra, thanh tra, giám sát xây dựng và thực hiện chính sách đối với các dự án đã được cấp phép đầu tư. Thường xuyên kiểm tra, rà soát phân loại các dự án FDI đã được cấp phép đầu tư. Tăng cường hướng dẫn, giúp đỡ hỗ trợ các nhà đầu tư, các doanh nghiệp trong công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát. Kiểm tra, thanh tra cần thực hiện chủ động, có kế hoạch, có phương pháp xử lý linh hoạt, mềm dẻo, tạo ra sự công bằng, minh bạch, bình đẳng giữa các tổ chức, cá nhân, ngăn ngừa hành vi vi phạm quy định, pháp luật trong FDI. Đây là một yêu cầu bắt buộc trong công tác quản lý kinh tế - xã hội nói chung, QLNN đối với FDI nói riêng.

d) *Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính nhằm giảm chi phí về đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố*

Phải có bước đột phá về thủ tục hành chính và điều kiện cấp phép thành lập doanh nghiệp. Hoàn thiện quy chế, xây dựng quy trình thủ tục chuẩn, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong giải quyết các thủ tục hành chính theo định hướng của Trung ương và quy định của từng địa phương. Thông báo công khai, rộng rãi các quy định cụ thể về thủ tục nộp và tiếp nhận hồ sơ đối với các dự án FDI. Đơn giản hoá thủ tục đầu tư, giảm bớt những yêu cầu không thật sự cần thiết, kém quan trọng gây mất thời gian trong thẩm định đầu tư, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư nhanh chóng triển khai dự án. Rút ngắn thời gian xét duyệt, thẩm định cấp giấy phép đầu tư, đặc biệt là cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các dự án phân cấp thành phố.

Duy trì thường xuyên việc tiếp xúc trực tiếp giữa cơ quan QLNN với các doanh nghiệp nước ngoài. Chính quyền thành phố cần tổ chức hội nghị gặp gỡ, đối thoại với

các hiệp hội, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giúp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc mà doanh nghiệp đang gặp phải; triển khai nhiều giải pháp, giảm thuế để giảm áp lực tài chính cho doanh nghiệp.

3.2.3 Nhóm giải pháp hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

a) Đổi mới bộ máy quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Tiến hành phân cấp, phân quyền QLNN đối với FDI cho các Sở, Ban, ngành của thành phố, đồng thời tăng cường sự hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện của cấp dưới để đảm bảo tập trung thống nhất trong quản lý. Các ngành tiến hành tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện việc phân cấp quản lý hoạt động đầu tư trong lĩnh vực quản lý của Bộ, ngành mình (môi trường, lao động, công nghệ, xuất nhập khẩu, tài chính...). Từ đó đề xuất giải pháp khắc phục bất cập trong thực hiện cơ chế phân cấp kiểm tra, kiểm soát FDI. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì đánh giá tổng thể hoạt động FDI trên địa bàn thành phố Hà Nội nói chung và các quận, huyện nói riêng. Các ngành chịu trách nhiệm đánh giá về hoạt động FDI theo chuyên ngành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình. UBND chịu trách nhiệm đánh giá về hoạt động FDI trên địa bàn Hà Nội. Rà soát lại một cách đồng bộ để đổi mới, giảm thiểu tác động xấu của thể chế, trước hết là tổ chức bộ máy; đổi mới đồng bộ công tác quản lý nhà nước đối với đầu tư nước ngoài; điều chỉnh một số nguyên tắc quản lý và phân cấp đầu tư.

b) Đổi mới công tác cán bộ quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Trong thời gian tới phải tăng cường công tác bồi dưỡng, đào tạo nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đây là con đường ngắn nhất để trang bị tri thức, trình độ chuyên môn hóa, nghiệp vụ cho nguồn nhân lực ở cơ quan quản lý về thu hút FDI của thành phố Hà Nội. Nội dung bao gồm: Bồi dưỡng về trình độ lý luận chính trị, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm bảo đảm cho nguồn nhân lực chất lượng cao ở các cơ quan quản lý nhà nước về thu hút FDI ở thành phố Hà Nội nắm vững và am hiểu sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước; định hướng phát triển, chiến lược, chính sách của ngành, lĩnh vực đang làm việc. Bồi dưỡng, đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ quản lý nhà nước về FDI, trong đó chú trọng bồi dưỡng, đào tạo nắm vững và am hiểu hệ thống các kiến thức quản lý hành chính nhà nước, quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và các quy định của pháp luật về chế độ công vụ, công chức, bảo đảm cho nguồn nhân lực chất lượng cao đạt chuẩn quy định về chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước quy định cho từng chức danh. Bồi dưỡng, đào tạo năng lực

đề xuất, tham mưu hoạch định chính sách, chủ trì xây dựng các dự án luật, pháp lệnh, đề án, chương trình gắn với chuyên môn nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác để trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng soạn thảo, thuyết trình, bảo vệ và tổ chức thực hiện để xây dựng và triển khai các dự án FDI, đề án, chương trình liên quan đến công tác quản lý nhà nước về FDI,...Bồi dưỡng, đào tạo năng lực tổ chức hướng dẫn, thực hiện chế độ, chính sách, các quy định về quản lý nhà nước về FDI; thực hiện, đề xuất các biện pháp kiểm tra, đánh giá; năng lực tổ chức phối hợp, tổ chức kiểm tra, tổng kết thực thi chính sách. Tập trung bồi dưỡng, đào tạo về trình độ học vấn phù hợp với chuyên môn công tác, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học.

Ngoài ra, thành phố Hà Nội còn phải tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong của đội ngũ cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước. Biện pháp để thực hiện vấn đề này là thông qua công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện của tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể của thành phố; đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị nhằm nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở các cơ quan quản lý nhà nước về FDI của thành phố Hà Nội. Đồng thời, làm tốt công tác đánh giá chất lượng đảng viên, đoàn viên thanh niên, hội viên hội phụ nữ, đoàn viên công đoàn; chú trọng công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật, kịp thời biểu dương người tốt, việc tốt, phê phán, xử lý nghiêm minh những cá nhân phạm kỷ luật, pháp luật trong quá trình công tác tại các cơ quan đơn vị.

3.2.4 Các giải pháp khác

Xây dựng mặt bằng pháp lý chung, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế nhằm tạo môi trường kinh doanh ổn định, bình đẳng.

Cải cách thủ tục hành chính theo hướng ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ trong quản lý.

Tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng của Trung ương, Bộ, Ban, ngành có liên quan.

Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

Nâng cao trình độ nhận thức cho người dân.

3.3 Kiến nghị đối với cơ quan Nhà nước

Đổi mới mạnh mẽ nhận thức và QLNN đối với FDI. Trước hết là hoàn thiện cơ chế bảo vệ lợi ích quốc gia trên cơ sở tăng cường thống nhất, tập trung và phối hợp đồng

bộ hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường, đề cao lợi ích dài hạn và lợi ích tổng thể, kiên quyết chống lại lợi ích ngắn hạn, cục bộ và phe phái nhất là trong bảo vệ tài nguyên khoáng sản, chủ quyền an ninh quốc gia.

Quốc hội cần giảm tình trạng thay đổi của các chính sách, luật gây ra sự mất an tâm cho các nhà đầu tư về môi trường pháp lý của thành phố. Tiếp tục xem xét sửa đổi bổ sung Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Tài nguyên, Luật Môi trường và các văn bản liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài, đảm bảo phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Đặc biệt, phải tăng hình phạt cao cho Luật Môi trường để răn đe, ngăn chặn những hành vi vi phạm đến môi trường; sửa đổi Luật đất đai, pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê đất tại Việt Nam cho đồng bộ với quy định của Luật đầu tư. Đồng thời, phải xem xét phương án cho phép các doanh nghiệp có vốn FDI thế chấp giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các tổ chức tín dụng của nước ngoài.

Sở, Ban, ngành và các đơn vị có liên quan của thành phố nên tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư và môi trường sản xuất thông qua việc hoàn thiện các chính sách đầu tư theo hướng thống nhất, không xung đột giữa các quy định và các ưu đãi tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhưng tránh trường hợp doanh nghiệp trục lợi bất chính dựa trên các ưu đãi đó. Áp dụng các ưu đãi thuế một cách chọn lọc sẽ có tác dụng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo hướng hiệu quả, tránh được tính tràn lan trong chính sách ưu đãi thuế, nên hiện tượng lợi dụng chính sách miễn, giảm thuế để chuyển giá trốn thuế sẽ được hạn chế đáng kể.

Hàng năm tổ chức hội nghị để tổng kết thu hút FDI cho thành phố Hà Nội. Tại hội nghị sẽ đưa ra các bài học kinh nghiệm để cùng bàn bạc, trao đổi nhằm phát huy các ảnh hưởng tích cực, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực. Qua tổ chức hội nghị thường niên sẽ giúp cho thành phố có thêm thông tin để tiếp tục triển khai thu hút FDI, phục vụ việc hình thành ngành kinh tế mũi nhọn. Từ đó giảm thiểu việc cạnh tranh không lành mạnh trong thu hút FDI, đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các quận, huyện trên địa bàn thành phố.

3.4 Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

Trong quá trình triển khai làm đề tài, do những hạn chế về thời gian, về kiến thức, về kỹ năng, đề tài chưa thể nghiên cứu sâu hơn về những nhân tố ảnh hưởng đến việc thu hút vốn FDI, cũng như triển khai, làm rõ hơn những giải pháp và kiến nghị để hoàn thiện quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI trên địa bàn Hà Nội.

Nếu có thể tổ chức để khảo sát, điều tra, thu thập, tiếp cận thông tin từ nhiều trang chính thống, thì những giải pháp, kết luận được đưa ra sẽ chính xác và hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Thị Vĩnh Hà (2015), *Nghiên cứu về những thách thức, thuận lợi trong thu hút đầu tư nước ngoài và sự chuẩn bị của Việt Nam khi gia nhập cộng đồng kinh tế Asean vào năm 2015*, Đề án Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hà Nội.
2. Nguyễn Đức Hải (2013), *Đề xuất giải pháp marketing lãnh thổ nhằm thu hút FDI trên địa bàn Hà Nội, giai đoạn 2013-2020*, trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
3. Võ Thị Vân Khánh (2016), *Tăng cường thu hút FDI vào các khu công nghiệp theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Hà Nội.
4. Thân Danh Phúc (2015), *Giáo trình quản lý nhà nước về thương mại*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
5. Từ Quang Phương (2013), *Kinh tế đầu tư*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
6. Vương Đức Tuấn (2010), *Hoàn thiện cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở thủ đô Hà Nội trong giai đoạn 2001 -2010*, trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
7. Nguyễn Trọng Xuân (2002), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài với công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Cục Thống kê thành phố Hà Nội (2020), *Niên giám thống kê 2018*, Hà Nội.
9. Cục Thống kê thành phố Hà Nội (2021), *Niên giám thống kê 2019*, Hà Nội.
10. Cục Thống kê thành phố Hà Nội (2021), *Niên giám thống kê 2020*, Hà Nội.
11. *Chỉ thị số 14/CT-UBND về nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021*, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành ngày 2/6/2021.
12. *Kế hoạch số 177/KH-UBND về thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) của thành phố Hà Nội*, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành ngày 1/9/2020.
13. *Kế hoạch số 92/KH-UBND về tổ chức các hoạt động thông tin đối ngoại năm 2021*, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành ngày 6/4/2021.

14. *Kế hoạch số 128/KH-UBND về hội nhập quốc tế thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 – 2025*, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành ngày 24/5/2021.

15. *Nghị quyết số 50-NQ/TW Định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030*, Bộ Chính trị ban hành ngày 20/8/2019,

16. *Nghị quyết số 21/NQ-HĐND Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của thành phố Hà Nội và danh mục lĩnh vực đầu tư cho vay giai đoạn 2021-2025 của Quỹ đầu tư phát triển thành phố Hà Nội*, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành ngày 23/9/2021.

